

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Tổ: Toán-Tin

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thuận, ngày 04 tháng 9 năm 2025

I. PHẦN I: KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2025-2026

Căn cứ Công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;
Căn cứ Công văn số: 867 /SGDĐT-GDTrH&HSSV ngày 29/8/2025 của Sở GD&ĐT Thành phố Đà Nẵng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026;
Căn cứ Quy chế chuyên môn của trường THPT Đỗ Đăng Tuyển ngày 02/09/2025 của hiệu trưởng trường THPT Đỗ Đăng Tuyển năm học 2025-2026;
Căn cứ vào tình hình thực hiện của nhà trường;
Căn cứ công văn 4060 về xây dựng “ Trường học hạnh phúc”;
Trên cơ sở thực tiễn của trường và nội dung cuộc họp tổ chuyên môn đầu năm học, tổ Toán- Tin trường THPT Đỗ Đăng Tuyển đã thống nhất kế hoạch hoạt động trong năm học 2025-2026 như sau:
Chủ đề năm học 2025-2026 được ngành Giáo dục xác định là “Kỷ cương- Sáng tạo –Đột phá – Phát triển”.

I) ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA TỔ:

1. Danh sách tổ viên:

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Năm vào ngành	Nguồn đào tạo	Công tác kiêm nhiệm	Ghi chú
1	Lê Văn Lên	1979	Nam	2004	ĐHSP	TTCM	Biên chế
2	Văn Quý Vênh	1978	Nam	2000	ĐHSP	CN 11/12	Biên chế
3	Nguyễn Thị Mai	1976	Nữ	2002	ĐHSP	CN 12/12	Biên chế
4	Võ Công Mỹ	1980	Nam	2002	ĐHSP	CN 12/11	Biên chế
5	Lê Thành Tích	1979	Nam	2004	ĐHSP	CN 11/10	Biên chế
6	Trần Ngọc Quốc	1977	Nam	2005	ĐHSP	CN 10/6	Biên chế
7	Nguyễn Thị Kim Anh	1989	Nữ	2012	ĐHSP		Biên chế
8	Huỳnh Văn Toàn	1989	Nam	2021	ĐHSP	CN 11/13	Biên chế
9	TT Thanh Thúy	1983	Nữ	2004	ĐHSP	TPCM	Biên chế
10	Bùi Thị Tuyết	1986	Nữ	2010	ĐHSP	-	Biên chế
11	Lâm Thị Hương	1687	Nữ	2014	ĐHSP	CN 10/1	Biên chế
12	Nguyễn Thị Hoài Thu	1989	Nữ	2024	ĐHSP		Biên chế

2. Thuận lợi:

- Đa số trẻ, nhiệt tình, nhiều giáo viên có kinh nghiệm trong dạy học.
- Có sự hỗ trợ kịp thời của thầy cô trong tổ và chỉ đạo sát sao của Chi bộ, Ban giám hiệu nhà trường.
- Có sự phối hợp tốt của các tổ chức, đoàn thể, các hội. Các thành viên của tổ tích cực tham gia làm công tác xã hội hóa giáo dục.
- Nhà trường có hệ thống cơ sở vật chất khá đầy đủ :có 24 tivi và 01 máy chiếu, 01 bảng thông minh; Phòng máy vi tính đảm bảo được điều kiện thực hành của bộ môn, cũng như bồi dưỡng học sinh giỏi.
- Chất lượng đội ngũ: Tất cả thành viên của tổ đều đạt chuẩn đào tạo 100%.
- Năm học 2025-2026 tuyển sinh vào lớp 10 có 09 lớp(376 HS),điểm xét tuyển đầu vào là 20.88 điểm, nhìn chung đầu vào tương đối ổn định.

3 . Khó khăn:

- Thành viên tổ đông (12 người) gồm 2 bộ môn khó khăn trong việc quản lí.
- Một số học sinh có học lực yếu nhưng không cải thiện việc học của mình.
- Chưa phân loại được học sinh yếu để phụ đạo kịp thời (nhất là các học sinh khối 12)
- Một bộ phận không nhỏ học sinh chưa có thái độ học tập nghiêm túc .
- Trình độ công nghệ thông tin của các thành viên của tổ còn hạn chế so với yêu cầu của chương trình đổi mới phương pháp dạy – học và phát triển phẩm chất năng lực của học sinh theo CTGDPT 2018.

4. Những thành tích đạt được của tổ năm học 2024-2025:

- Chất lượng dạy và học: chất lượng bộ môn : đạt trên 90% trung bình trở lên, khá và giỏi 38 %
- Các danh hiệu thi đua:
 - + Danh hiệu cá nhân
 - * CSTĐ cấp cơ sở: Cô Trần Thị Thanh Thuý; Bùi Thị Tuyết; Võ Công Mỹ
 - * Lao động tiên tiến: 12
 - * Giấy khen của Hiệu trưởng: 03
 - + Danh hiệu tập thể: Tổ CM hoàn thành XSNV xếp vị trí thứ II.
- Kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi môn Toán (1 ba , 1 KK); Tin 12: Đạt 02 giải trong đó 1 giải nhất và 1 KK,Olympic Miền trung: 1 giải nhất và 1 KK.01 Giải nhì quốc gia.

5. Đăng kí thi đua của tổ trong năm học 2025-2026:

a. Dạy học:

- * Môn Toán:
 - Chất lượng bộ môn chung toàn trường đạt trên 83% TB trở lên cụ thể:
 - + Khối 10, khối 11 TB trở lên đạt 80%
 - + Khối 12 TB trở lên đạt 90% trở lên.
 - Tỉ lệ bình quân điểm thi TN bộ môn Toán đạt 5.5 điểm trở lên, phần đầu cao hơn hoặc bằng các trường trong huyện.
 - Thi học sinh giỏi thành phố 12 phần đầu đạt 2 giải.
- * Môn Tin:
 - Chất lượng bộ môn chung toàn trường đạt 95% TB trở lên cụ thể:
 - + Khối 10, khối 11 TB trở lên đạt 95%
 - + Khối 12 TB trở lên đạt 95% trở lên.

- Thi học sinh giỏi tỉnh 12 phần đầu đạt 3 giải.

b. Các hình thức thi đua và danh hiệu thi đua:

Xếp loại VC: Hoàn thành tốt nhiệm vụ 6; HTXSNV: 5

+ Lao động tiên tiến 100% .

+ 04 chiến sĩ thi đua cơ:

+ Giấy khen Hiệu trưởng: 8.

c. Danh hiệu thi đua của tổ:

- Tổ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Hình thức khen thưởng: Giấy khen của Hiệu trưởng.

II. Các nhiệm vụ, giải pháp phần đầu thực hiện trong năm học 2025-2026

Nhiệm vụ trọng tâm của tổ trong năm học 2025 – 2026 là :

- Dạy bồi dưỡng học sinh giỏi cấp tỉnh có giải.
- Xây dựng kế hoạch dạy học theo chương trình mới.
- Xây dựng chuyên đề dạy học theo chương trình THPT 2018.
- Sinh hoạt ngoại khóa dự kiến tuần 1 của tháng 10 năm 2025.
- Tập trung đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá.
- Lập kế hoạch dạy học, dạy bồi dưỡng HSG 12.
- Thực hiện tốt các chỉ đạo của nhà trường, của cấp trên về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục.
- Cùng nhà trường củng cố và phát triển trường chuẩn quốc gia, trong đó đặc biệt chú trọng đến chất lượng chuyên môn của tổ.
- Đối với giáo viên dạy khối 12 phải chuẩn bị tốt kế hoạch dạy học và ôn tập theo cấu trúc đề thi THPT 2026 của BGD và Đào tạo, quan tâm đặc biệt đến chất lượng thi TNTHPT của bộ môn. Đối với khối 10,11 có định hướng dần về cấu trúc đề thi TNTHPT từ năm 2025.
- Xây dựng ma trận, đề bài kiểm tra giữa kì, cuối kì (Có kế hoạch riêng).
- Xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh ôn tập thi tốt nghiệp THPT 2026.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, chuyên đề năm học 2025-2026.
- Xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh yếu ở các khối, đặc biệt là học sinh yếu khối 12.
- Thực hiện tốt dạy học theo nghiên cứu bài học, chủ đề
- Xây dựng ‘Trường học hạnh phúc’
- Thực hiện đúng nội quy, quy chế của nhà trường.

Trên cơ sở xác định các nhiệm vụ trọng tâm như trên, toàn tổ đã thống nhất đề ra các biện pháp thực hiện cụ thể như sau:

1. Thực hiện tốt công tác giáo dục tư tưởng chính trị, các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành và công đoàn ngành.

- Mọi thành viên đều có lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng .
- Luôn có ý thức phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm của ngành .
- Thể hiện vai trò, lương tâm, trách nhiệm của một nhà giáo.

- Thực hiện “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” bằng những việc làm thiết thực, cụ thể.
- Có lối sống lành mạnh, là tấm gương sáng cho học sinh noi theo.
- Thực hiện đúng các quy định đối với một nhà giáo theo quyết định 16/2008/BGD-ĐT.
- Thực hiện tốt “Qui ước ứng xử văn hóa” ở cơ quan.
- Thực hiện tốt các quy định “Xây dựng cơ quan đạt chuẩn văn hóa”
- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở.
- Xây dựng trường học hạnh phúc.

**** Chỉ tiêu:**

- 100% tổ viên có tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống trong sáng, không có tổ viên vi phạm qui chế của ngành và pháp luật nhà nước.
- 100% tổ viên thực hiện nghiêm túc giờ giấc, nề nếp, tác phong lên lớp dạy.
- 100% tổ viên thực hiện nghiêm túc các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành, nhà trường và tổ chuyên môn.

2. Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên:

- Tham gia các đợt tập huấn chuyên môn tại Hội an.
- Tham gia bồi dưỡng chính trị hệ trực tuyến tại trường .
- Bồi dưỡng chuyên môn do sở tổ chức.

3. Các hoạt động chuyên môn:

3.1 Thực hiện nội dung chương trình giáo dục THPT, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động giáo dục:

a. Chỉ tiêu phấn đấu:

- 100% tổ viên thực hiện tốt tập huấn chương trình giáo dục trung học phổ thông 2018 của Bộ GDĐT yêu cầu về bộ môn.
- 100% tổ viên thực hiện đúng qui chế về kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh.
- 100% tổ viên tham gia tích cực các hoạt động giáo dục tổ chuyên môn và nhà trường.
- 100% tổ viên sử dụng đồ dùng, thiết bị thí nghiệm vào dạy học cho học sinh.

b. Biện pháp thực hiện:

- Nghiêm chỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”,
- Chủ động trong việc xây dựng và bổ sung kịp thời kế hoạch hoạt động, dựa trên kế hoạch và khung chương trình năm học, tiếp tục thực hiện đúng theo khung phân phối chương trình, biên chế và nội dung chương trình năm học, kế hoạch dạy học của Bộ GD & ĐT, sở GD & ĐT, nhà trường và tổ chuyên môn đã thống nhất.
- Phối hợp tốt và nhịp nhàng giữa đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá định kì, bám sát theo chuẩn kiến thức kỹ năng, giảm tải chương trình của bộ môn, mà phù hợp với đối tượng học sinh trong nhà trường. Chuẩn kiến thức kỹ năng phải dựa trên cơ sở phát triển năng lực, trí tuệ học sinh trong trường ở các mức độ khác nhau, từ đơn giản đến phức tạp; nội dung bao hàm các mức độ khác nhau của nhận thức đảm bảo tính(*nhận biết, thông hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo*).
- Tổ chức hoạt động đổi mới phương pháp dạy học tích cực, chú trọng và phát huy vai trò của học sinh, lấy học sinh làm trung tâm và giáo viên hướng dẫn một cách linh hoạt và phù hợp. Cần tổ chức nhiều hoạt động học tập cho học sinh (như phụ đạo, học nhóm, học thông qua đài báo, mạng internet thanh niên...) nhằm rèn luyện cho các em kỹ năng sống, giải quyết tình huống, giải làm bài tập, tự ôn tập, tự học, tạo cơ hội cho học sinh chuyển từ học tập thụ động sang tự học chủ động, tự học trong nhà trường, tự học trên lớp, tự học ở nhà trước khi đến lớp, tự học sau bài học.

- Giáo viên cần đặt ra tình huống có vấn đề liên quan đến bài học và linh hoạt trong việc giải quyết tình huống sư phạm. Trong quá trình dạy học nếu có sự chênh lệch lớn về trình độ nhận thức của học sinh trong lớp, giáo viên cần phải phân hoá đối tượng học sinh, đồng thời cân đối kiến thức hướng dẫn và truyền đạt cho các em, kết hợp với học tập_hợp tác.
- Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh: Nhằm phản ánh trung thực kết quả lĩnh hội nội dung tài liệu học tập của học sinh so với yêu cầu chương trình chuẩn kiến thức kỹ năng quy định. Nội dung kiểm tra phải phù hợp với các yêu cầu chương trình quy định, đối tượng học sinh. Tổ chức thi phải nghiêm minh, công bằng. Để đảm bảo tính khách quan trong kiểm tra, đánh giá từ khâu ra đề, tổ chức thi tới khâu cho điểm; chú ý đánh giá cả số lượng và chất lượng, cả nội dung và hình thức. Các câu hỏi kiểm tra cần có tính hệ thống câu hỏi từ dễ đến khó, cần trân trọng sự cố gắng của học sinh, đánh giá cao những tiến bộ trong học tập của học sinh.
- Tăng cường hoạt động của tổ chuyên môn, phân công giáo viên dạy học theo nghiên cứu bài học, không đánh giá trực tiếp giáo viên giảng dạy, mục đích của tiết dạy nhằm đánh giá, sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu nội dung, đối tượng học sinh và phát huy tính tích cực của học sinh.
- Khai thác và sử dụng tốt các thiết bị dạy học, phần mềm ứng dụng, công nghệ thông tin, báo chí, mạng internet hỗ trợ tiện ích trong quá trình giảng dạy đạt hiệu quả.
- Tham mưu với cấp trên trong việc đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho công tác dạy học, phụ đạo học sinh yếu kém, bồi dưỡng học sinh khá giỏi. Phối hợp chặt chẽ với Ban GDNGLL, các đoàn thể trong việc giáo dục toàn diện cho học sinh và nâng cao trách nhiệm của giáo viên trong công tác chuyên môn.
- Cần nêu gương, biểu dương kịp thời những tấm gương học tốt, chăm chỉ, chuyên cần.

3.2 Nề nếp , chất lượng chuyên môn

a.Chỉ tiêu phần đầu:

- 100% tổ viên thực hiện tốt nề nếp, nội qui _qui chế nhà trường, tổ chuyên môn.
- 100% tổ viên thực hiện đảm bảo các loại hồ sơ sổ sách chuyên môn theo qui định.
- 100 % thực hiện đúng quy định về giáo án : soạn mới cho cả 3 khối lớp đối với tất cả giáo viên của tổ. Mỗi giáo viên có tối thiểu 2 giáo án điện tử/năm
- 100% tổ viên tham gia dự giờ rút kinh nghiệm và học hỏi từ đồng nghiệp để hoàn thiện bản thân, tham gia hội giảng đảm bảo theo qui định nhà trường, phân công của tổ chuyên môn.
- 100% tổ viên tham gia tốt các buổi họp HĐSP, sinh hoạt chuyên môn, thảo luận chuyên đề theo kế hoạch nhà trường, tổ chuyên môn.
- 100% Thực hiện đúng nề nếp chuyên môn theo qui định: Đi dạy đúng giờ giấc, đúng tiết, chuẩn bị giáo án giảng dạy đảm bảo theo kế hoạch giáo dục, thời khóa biểu. Hoàn thành nhiệm vụ khi được sự phân công dạy thay của tổ trưởng, tổ phó CM, BGH nhà trường.

b.Biện pháp thực hiện:

**** Về việc thực hiện hồ sơ sổ sách:***

- ❖ Triển khai và phổ biến qui định về việc thực hiện đầy đủ các loại HSSS chuyên môn, để tổ viên thực hiện đảm bảo đúng qui chế của ngành, nhà trường và tổ chuyên môn thống nhất.
- ❖ Tăng cường công tác kiểm tra HSSS của các tổ viên ít nhất hai lần/ năm (có thể kiểm tra định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất), kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch giáo dục 2 tháng 1 lần.
- ❖ Các loại hồ sơ của tổ chuyên môn và của cá nhân phải được cập nhật kịp thời trên hệ thống trang web của nhà trường.

***** Về Phân công lao động :*** Phải thể hiện được các nội dung sau:

- Phù hợp, cân đối, công bằng, số tiết lao động không lệch nhiều.
- Chú trọng đến phân công giảng dạy các lớp chọn, lớp cuối cấp, các lớp yếu .

- Sau khi phân tích, bàn bạc, thống nhất tổ trưởng đã phân công gửi về BGH để chia giờ.

***** Về công tác dạy và học:**

- Dạy và học bám sát theo chuẩn kiến thức kỹ năng _nội dung khung phân phối chương trình năm học của ngành, kế hoạch năm học của nhà trường, tổ chuyên môn và giáo viên.
- Tăng cường sinh hoạt chuyên đề và dạy học theo NCBH.
- Dựa trên tình hình thực tế của nhà trường, đối tượng học sinh, điều kiện dạy và học, mà tổ chuyên môn và giáo viên bộ môn có sự phân bổ thời lượng, nội dung phù hợp nhất định để nâng cao chất lượng dạy và học.
- Thực hiện tốt khâu vào lớp kiểm tra tỉ số, ổn định nề nếp, tác phong học sinh. Ghi sổ đầu bài đúng nội dung tiết dạy theo kế hoạch dạy học, nhận xét giờ dạy và ký tên trong sổ đầu bài theo qui định.
- Nhiệt tình trong công tác giảng dạy trên lớp, sử dụng đúng thời gian tiết dạy và có hiệu quả, chủ động đầu tư nghiên cứu tài liệu bồi dưỡng chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học tích cực, lược bỏ những kiến thức quá khó, phức tạp không phù hợp với đối tượng học sinh trong trường, chú trọng thời lượng ôn tập, củng cố kiến thức-kỹ năng, bố trí thời gian hợp lý để dạy phụ đạo, củng cố kiến thức căn bản cho học sinh yếu, kém, bồi dưỡng học sinh khá, giỏi. (*Đặc biệt chú trọng học sinh khối 12 thi tốt nghiệp đạt kết quả bộ môn đề ra...*)
- Công tâm tìm hiểu đối tượng, khả năng tiếp thu kiến thức mới, hòng kiến thức cũ, cân đối phân hóa đối tượng học sinh, nội dung kiến thức trong quá trình truyền đạt, đồng thời tham mưu kịp thời với BGH nhằm tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở, vật chất hỗ trợ tốt và nhanh chóng cho quá trình giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục.
- Tăng cường vai trò tổ trưởng chuyên môn trong quá trình giám sát, kiểm tra, quán triệt tổ viên thực hiện đảm bảo cuộc vận động “Hai không” về việc ra đề kiểm tra, tiến hành kiểm tra, chấm bài, trả bài, vào điểm, đánh giá, xếp loại học sinh đảm bảo tính công bằng, minh bạch, công khai. Kịp thời phân công giúp đỡ, hỗ trợ thêm cho thầy cô giáo chưa có nhiều kinh nghiệm để cùng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Tăng cường thường xuyên vai trò của giáo viên bộ môn trong việc kiểm tra đánh giá học sinh, chú tâm đến việc tổ chức lớp học, hoạt động học sinh tham gia phát biểu xây dựng bài, làm bài tập. Động viên khích lệ tinh thần giảng dạy của quý thầy cô giáo, cũng như việc học tập của học sinh một cách kịp thời. Đồng thời phối hợp để nhắc nhở, xử lý, kiểm điểm nghiêm khắc những trường hợp vi phạm nội qui qui chế của bộ, ngành, sở giáo dục, nhà trường, lớp học.
- Quán triệt và chấn chỉnh kịp thời trường hợp giáo viên đi dạy trễ giờ, bỏ tiết, đổi tiết, dạy dồn ép nội dung chương, xáo trộn giáo viên của lớp. Đồng thời hạn chế tối đa việc dạy thay, dạy giúp trong thời gian dài (*trừ lí do chính đáng và thiết thực*) để tránh sự mất ổn định lớp học, không liên mạch kiến thức, cũng như việc theo dõi và bám sát được đối tượng học tập.
- Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được của tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm, tăng cường công tác dạy phụ đạo, củng cố kiến thức căn bản cho học sinh yếu kém, giúp đỡ các em tự học, đầu tư thời gian bồi dưỡng học sinh khá giỏi của bộ môn.
- Tăng cường tìm kiếm tài liệu, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đầu tư nghiên cứu soạn giáo án điện tử, giáo án power_point, công nghệ AI, chuyển đổi số, ..., khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin, máy chiếu, đồ dùng, thiết bị thí nghiệm thực hành vào giảng dạy đạt chất lượng và hiệu quả thiết thực.

3.3 Đổi mới phương pháp giảng dạy:

*Các biện pháp thực hiện :

- Thực hiện nghiêm túc các nội dung chỉ đạo của Sở về đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua nội dung các đợt tập huấn.
- Báo cáo chuyên đề ở tổ về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo kiến thức đã tập huấn.
- Thông qua các cuộc họp tổ rút kinh nghiệm.

- Phân công các giáo viên có kinh nghiệm giúp đỡ các giáo viên mới, giáo viên hợp đồng (nếu có).
- Khuyến khích các giáo viên tự trao đổi trao quá trình giảng dạy .
- Nghiên cứu trao đổi phương pháp giảng dạy đã tiếp thu qua các đợt tập huấn, qua báo chí, qua các bài giảng trực tuyến.
- Đặc biệt tổ phải có kế hoạch cụ thể về thao giảng, dự giờ, dự giờ đột xuất ,... để có những góp ý và điều chỉnh kịp thời về phương pháp giảng dạy đối với từng giáo viên.

3.4 Kế hoạch thao giảng dự giờ quan sát, góp ý tiết dạy:

- Chỉ tiêu: Mỗi thành viên tham gia dự giờ các tiết thao giảng, kiểm tra nội bộ, dạy học theo NCBH bằng số tiết quy định của nhà trường (*Chỉ góp ý tiết dạy nhưng không đánh giá giáo viên*).
- Giờ thao giảng, dạy học theo NCBH, kiểm tra nội bộ của các thành viên trong tổ tất cả các đồng chí không có giờ phải dự. Giáo viên thao giảng phải dựa vào thời khoá biểu để tránh trường hợp quá nhiều GV cần giờ; phải đăng ký trước ít nhất 3 ngày và có nhiệm vụ thông báo cho các thành viên đi dự; tổ trưởng theo dõi thời lượng dự giờ của từng tổ viên và nhắc GV không có giờ đi dự.
- Tổ trưởng dự giờ đột xuất (kết hợp kiểm tra giáo án) ít nhất 1 tiết/ 1 đồng chí / 1 năm
- Đánh giá tiết dạy: Mục đích là để trao đổi, tránh những góp ý gây ức chế không cần thiết (nhưng phải đảm bảo tính khách quan đúng thực chất) nhưng **không xếp loại tiết dạy**.
- Tổ chức các “Tiết dạy theo chuyên đề”, “Tiết dạy theo nghiên cứu bài học” theo nội dung đã được tập huấn, không đánh giá GV mà chỉ thảo luận, đánh giá việc học của học sinh, rút kinh nghiệm theo đúng hướng dẫn của đợt tập huấn.
- Tổ trưởng, tổ phó dự giờ hầu hết các tiết thao giảng theo phân môn(trừ các tiết cần giờ) và ít nhất 8 tiết đột xuất / năm, có kiểm tra giáo án có góp ý tiết dạy cụ thể .

3.5. Theo dõi tiến độ thực hiện phân phối chương trình:

- Tổ trưởng cần dựa vào phân phối chương trình để lập bảng theo dõi tiến độ thực hiện chương trình của từng thành viên .Dựa vào đó tổ trưởng biết ngay tổ viên của mình hôm nay dạy bài gì ? lớp nào ? đã kiểm tra chưa ?....để đôn đốc thực hiện đúng tiến độ
- Tổ viên vì một lý do gì đó mà không dạy kịp phân phối chương trình thì phải có kế hoạch dạy bù ngay tránh tình trạng dạy không đúng chương trình (Dạy quá chậm hoặc trước PPC, cắt tiết, dồn tiết)
- Nghi có lý do đặc biệt hoặc đi công tác phải có đơn thông qua tổ trước để tổ phân công giảng dạy thay và trình bày Ban giám hiệu xem xét.

Lưu ý: + Khi đi công tác thì giáo viên phải nộp đủ hồ sơ gồm: **Công văn triệu tập, giấy đi đường + Phân công dạy thay do BGH xác nhận để làm hồ sơ tăng giờ sau này.**

+ Trước khi nghỉ người nghỉ cần gửi giờ trước để tổ cũng như nhà trường không bị động trong việc phân công người dạy thay, trong trường hợp gửi không được thì Tổ trưởng phân công.

3.6. Kế hoạch dạy học chuyên đề :

- Dựa trên KHDH và hướng dẫn triển khai về vấn đề dạy học chuyên đề đối với khối 10, 11,12 của BGD& ĐT, thông qua phiên họp tổ đầu năm cả tổ thống nhất một số vấn đề như sau:
- * Môn Toán:
- + Khối 10: Dạy học theo chuyên đề các lớp từ 10/1; 10/2;10/3/10/6,7,8 theo kế hoạch nhà trường và bình quân mỗi tuần 1 tiết, dạy 35 tuần.
- + Khối 11: Dạy học theo chuyên đề các lớp từ 11/6 đến 11/13 theo kế hoạch nhà trường và bình quân mỗi tuần 1 tiết, dạy 35 tuần.
- + Khối 12: Dạy học theo chuyên đề các lớp từ 12/1 đến 12/6 theo kế hoạch nhà trường và bình quân mỗi tuần 1 tiết, dạy 35 tuần.
- * Môn Tin: Không có tiết dạy chuyên đề.
- Dạy theo chương trình bám sát, chủ yếu để ôn tập, hệ thống hoá kiến thức, không bổ sung kiến thức mới cho học sinh.

3.7. Cải tiến, đổi mới khâu kiểm tra, đánh giá, thi cử :

- Lấy Chuẩn KT-KN, chương trình SGK 2018, giảm tải làm căn cứ để điều chỉnh quá trình dạy học; làm cơ sở để kiểm tra, đánh giá học sinh.
- Việc kiểm tra, đánh giá cần đảm bảo các yêu cầu sau:
- + Theo đúng tinh thần tập huấn của Sở.
 - + Đảm bảo tính toàn diện, khách quan, trung thực.
 - + Phối hợp đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ, đánh giá của các giáo viên, đánh giá của nhà trường, tự đánh giá của bản thân học sinh,...
 - + Kết hợp phù hợp giữa các hình thức đánh giá: Tự luận, trắc nghiệm, đánh giá quá trình tự học, các hình thức đánh giá khác. Cần lưu ý về việc kiểm tra thường xuyên không hạn chế về số lần kiểm tra nhưng số cột điểm phải đủ theo quy định
- Việc kiểm tra, đánh giá cần đảm bảo các nguyên tắc sau:
- + Kết hợp giữa định lượng và định tính, lấy định lượng làm chuẩn để đánh giá xếp loại.
 - + Công khai, công bằng, chính xác, khách quan, toàn diện.
 - + Coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ của học sinh.
 - + Phát huy tính năng động, sáng tạo, tự lĩnh hội, tự đánh giá, hình thành tính tự tin cho học sinh, đặc biệt chú ý phát huy năng lực sáng tạo của HS.
- Tiêu chí ra đề kiểm tra định kỳ:
- + Nội dung kiến thức và kỹ năng giải toán phải bám sát chuẩn, không ra ngoài chương trình; không ra nội dung đã giảm tải.
 - + Nội dung kiểm tra nằm chủ yếu trong từng giai đoạn kiểm tra.
 - + Phải lập ma trận đề, tỉ lệ nhận biết, thông hiểu và vận dụng với cấu trúc 3-2-2-3, theo đúng tỉ lệ 4:3:2:1
 - + Câu hỏi rõ, ngắn gọn, đơn nghĩa; nêu đúng, đủ yêu cầu.
 - + “Bộ đề kiểm tra” của Tổ giao cho đồng chí Huỳnh Văn Toàn chuyển qua mail cho các thành viên của tổ để các thành viên tham khảo, bổ sung thêm.
 - + Giáo viên cần nắm vững lộ trình đổi mới kiểm tra, đánh giá, đặc biệt là vấn đề thực hiện phương án đổi mới thi THPTQG từ năm 2025 của BGD &ĐT.
 - + Giáo viên, đặc biệt là giáo viên dạy khối 12 cần chú ý cấu trúc đề thi TNTHPTQG tham khảo để xác định trọng tâm bài dạy và đề kiểm tra.
- Một số vấn đề đã thống nhất :
 - Về các hình thức kiểm tra:
 - + Bài kiểm tra giữa kì: Kiểm tra theo tinh thần tập huấn xây dựng đề kiểm tra với cấu trúc: 3-2-2-3, thời gian làm bài 90 phút. Mức độ: Biết – hiểu –VD với tỉ lệ 4-3-3.
 - + Các bài kiểm tra thường xuyên có thể trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp cả hai và không hạn chế số lần kiểm tra và chót điểm kiểm tra mỗi tháng một bài kttx. Đối với khối 12 thực hiện ít nhất 01 bài kttx trên một học kì nhằm hướng đến cấu trúc đề thi TNTHPT từ năm 2025.
 - + Bài kiểm tra chung giữa kì phải có ma trận đề, đáp án. Ma trận đề thể hiện rõ tỉ lệ: Nhận biết 40%, thông hiểu 30%, vận dụng thấp 30% .

3.8. Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu :

- Phân công bồi dưỡng học sinh giỏi Toán khối 12 (65 tiết) : Đ/c: Vênh (Thực hiện)
- Phân công bồi dưỡng học sinh giỏi Tin khối 12 (65 tiết) : Cô Hương (Thực hiện)
- Phụ đạo học sinh yếu : Đăng kí thực hiện theo kế hoạch của nhà trường.

+ Kiểm tra chất lượng, báo cáo số lượng học sinh yếu kém của lớp mình dạy lại cho tổ trưởng và nhà trường, mỗi GV tự tìm cách phụ đạo nâng chất lượng học sinh yếu kém của lớp mình dạy.

+ Khối 12 dạy theo lịch của trường, các trường hợp khác dạy theo qui định của trường.

+ ***Riêng khối 12 mỗi giáo viên có kế hoạch dàn xếp dạy kèm riêng cho học sinh yếu ở lớp mình dạy. Đây là giải pháp để nâng cao tỉ lệ điểm bình quân TNTHPT và góp phần nâng cao tỉ lệ đỗ tốt nghiệp.***

+ Cần có kế hoạch hướng dẫn HS ôn thi học kỳ thi, tốt nghiệp, thi lạiđạt kết tốt

3.9. Tận dụng làm mới và có kế hoạch khai thác sử dụng các phương tiện đồ dùng dạy học một cách hiệu quả

- Kiểm tra lại các đồ dùng có ở phòng thiết bị .

- Lập bảng kê các đồ dùng thiết yếu để trường duyệt mua theo chương trình THPT 2018.

- Phân công giáo viên làm đồ dùng dạy học: Các mô hình về HHKG.

- Yêu cầu HS tham gia làm các dụng cụ học tập trực quan.

- Tích cực sử dụng và khai thác các phần mềm dạy học như Powpoint, GSP, Mapble, E-Learning,...

3.11. Đồng viên các thành viên tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm:

- Cần bàn bạc chọn đề tài phù hợp, nhất là các đề tài thiết thực có tính bức xúc cần giải quyết.

- Có kế hoạch giúp nhau để hoàn thành tốt đề tài.

3.12. Thay đổi sinh hoạt tổ chuyên môn. Có kế hoạch giúp đỡ, tạo điều kiện để các thành viên trong tổ không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm:

- Triển khai có hiệu quả sinh hoạt chuyên môn trực tuyến theo đúng yêu cầu mà Sở đã tập huấn.

- Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng “ Nghiên cứu bài học” theo đúng yêu cầu mà Sở đã tập huấn.

- Thực hiện trao đổi chuyên môn thường xuyên trong quá trình giảng dạy.

- Cùng nhau tìm kiếm, trao đổi tư liệu, học tập lẫn nhau, học tập ở các trường có uy tín, học trực tuyến trên mạng...

- Thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên mà mỗi thành viên đã chọn.

- Làm tốt công tác thao giảng, dự giờ.

3.13. Cùng nhà trường thực hiện tốt công tác thanh tra chuyên môn:

- Có kế hoạch thanh tra đột xuất và thường xuyên theo kế hoạch nhà trường(dự giờ đột xuất với Ban giám hiệu)

- Đảm bảo thanh tra đúng số lượng như đã quy định (1/3 toàn diện, còn lại thanh tra theo chuyên đề).

- Danh sách các thành viên được thanh tra toàn diện năm học 2025 - 2026:

* Môn Toán:

+ Học kỳ 1: Cô Thu, thầy Tích

+ Học kỳ 2: Cô Kim Anh.

* Môn Tin: Lâm Thị Hương.

- Danh sách các thành viên được thanh tra theo chuyên đề năm học 2025-2026: 8 thầy cô giáo còn lại.

3.14. Dạy học theo NCBH và hoạt động ngoại khóa

* Phân công chuẩn bị nội dung dạy học theo NCBH

Học kì 1: Thầy Nguyễn Thị Hoài Thu- Tháng 10 năm 2025.

Thầy Lê Thành Tích –Tháng 11 năm 2025.

Cô Bùi Thị Tuyết- Tháng 11 năm 2025.

Học kì 2: Thầy Nguyễn Thị Kim Anh- Tháng 3 năm 2026

**** Hoạt động Ngoại khoá:**

- Tham gia các hoạt động Ngoại khóa cho khối 12: Theo Kế hoạch nhà trường.
- Phân công các đ/c Quốc, Toàn, Lân: Chuẩn bị kế hoạch nội dung và có cuộc họp bàn để tổ chức thực hiện (dự kiến thực hiện trong tháng 10 năm 2025)
- Tham gia đầy đủ các buổi ngoại khóa khác theo kế hoạch.

3.15. Kế hoạch duy trì và phát triển trường chuẩn:

- Mỗi thành viên trong tổ phải nắm vững các tiêu chuẩn của một trường chuẩn để phấn đấu duy trì và phát triển bền vững trường chuẩn.

3.16. Đánh giá xếp loại thi đua:

- Dựa vào nội quy của trường .
- Sau đó tổ trưởng lập bảng theo dõi các vấn đề sau:

1. Hội họp (giờ giấc) 2.Giảng dạy (giờ giấc) 3.Hồ sơ, KHGD 4.Dự giờ đột xuất 5.Thực hiện kế hoạch giáo dục 6.Ra đề kiểm tra.7.Chất lượng giảng dạy (theo Chuẩn KT-KN).8.Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu 9.Chủ nhiệm, kiêm nhiệm 10.Sáng kiến kinh nghiệm 11.Đồ dùng dạy học 12.Thanh tra chuyên môn 13.Ngoại khóa, hoạt động khác 14.Biểu mẫu, thống kê 15. Học bạ,số điểm 18,19,20....

Sau mỗi học kỳ cũng như cuối năm học Tổ sẽ dựa vào bảng theo dõi đó để xem xét bình bầu bằng phiếu kín ai hoàn thành nhiệm vụ, ai chưa hoàn thành nhiệm vụ, trong các thành viên hoàn thành nhiệm vụ, chọn ra người hoàn thành xuất sắc(lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua..).

- Nếu có ý kiến không thống nhất thì tổ trưởng sẽ quyết định và đưa ra liên tịch để xem xét.
- Hoàn thành hồ sơ đánh giá xếp loại viên chức, chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định hiện hành.

3.17 Nâng cao chất lượng tổ viên

- Tổ chức chức tốt việc tập huấn về các nội dung mà Bộ, Sở GD&ĐT triển khai; tăng cường hình thức bồi dưỡng giáo viên.Thực hiện tốt chương trình THPT 2018.

- Tiếp tục đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn trong các cơ sở GDTrH dựa trên nghiên cứu bài học theo hướng dẫn tại Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ GDĐT.

- Tăng cường quản lý tổ viên như quan tâm, kiểm tra đôn đốc, chấn chỉnh khắc phục những hạn chế, yếu kém để từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá nhằm điều chỉnh những sai sót, lệch lạc nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của mình.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

- Tăng cường sử dụng công nghệ AI trong dạy và học.

3.18.Các hoạt động khác:

- Công tác chủ nhiệm lớp: Quán triệt các thành viên trong tổ thực hiện tốt công tác chủ nhiệm lớp theo kế hoạch của nhà trường.
- Công tác kiêm nhiệm: Thực hiện tốt công tác kiêm nhiệm do nhà trường phân công.

III. ĐĂNG KÍ THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA

TT	HỌ VÀ TÊN	Năng lực giảng dạy	Chất lượng giảng dạy	Xếp loại viên chức	Danh hiệu thi đua	Ghi chú
1	Trần Ngọc Quốc	T	Đạt	HTT	LĐTT	GKHT
2	Ng Thị Kim Anh	T	Đạt	HTT	LĐTT	GKHT

3	Lê Văn Lên	T	Đạt	HTT	LĐTT	
4	Lê Thành Tích	T	Đạt	HTT	LĐTT	GKHT
5	Võ Công Mỹ	T	Đạt	HTT	LĐTT	GKHT
6	Nguyễn Thị Mai	T	Đạt	HTXS	CSTĐCS	GKHT
7	Văn Quý Vênh	T	Đạt	HTXS	CSTĐCS	GKHT
8	Huỳnh Văn Toàn	T	Đạt	HTT	LĐTT	
9	Trần Thanh Thúy	T	Đạt	HTXS	CSTĐCS	GKHT
10	Lâm Thị Hương	T	Đạt	HTXS	CSTĐCS	GKHT
11	Bùi Thị Tuyết	T	Đạt	HTXS	CSTĐCS	GKHT

IV. LỊCH TRÌNH THỰC HIỆN CHUNG:

Tháng	Nội dung công việc	Phân công thực hiện	Ghi chú
8	-Họp tổ đầu năm phân công giảng dạy. -GVCN nhận lớp. - Phân công giảng dạy	-Cả tổ -GVCN	- C á c tháng GV dạy học theo TKB
9	-Chuẩn bị khai giảng năm học. - Nhắc lại các tiêu chuẩn cơ bản của một trường chuẩn để các thành viên tiếp tục phấn đấu duy trì và phát triển bền vững trường chuẩn. -Họp tổ lần 2: Xây dựng kế hoạch tổ, cá nhân. - Hội nghị TCM -Tham gia đầy đủ các Hội nghị, Đại hội. - Triển khai bồi dưỡng HSGK12. - Hoàn thành kế hoạch tổ, nhóm, kế hoạch cá nhân (nộp trước 10/9).	-Theo phân công của BGH -Cả tổ -Cả tổ -Cả tổ - Như đã phân công - TTCM	
10	-Tham gia hội thảo chuyên đề về chuyên môn cấp tổ, cấp trường. - Hội thi GVDG -Thao giảng, dự giờ. -Thanh tra hoạt động sư phạm - Dạy học theo NCBH -Tham gia sinh hoạt chủ điểm 20/10.	-Theo phân công của BGH - Cả tổ. - Như phân công. - Tổ trưởng - TTSP cô Thu - Cả tổ- cô; Thu dạy - Cả tổ - Tổ trưởng duyệt kỹ các đề bài kiểm tra chung giữa kì 1	
11	- Kiểm tra chung giữa kì theo PPCT. -Tiếp tục thao giảng, dự giờ.	- Cả tổ. -Theo phân công	

	-Tham gia sinh hoạt chủ điểm 20/11. -Thanh tra hoạt động sư phạm - Dạy học theo NCBH	- Cả tổ - Thanh tra hoạt động sư phạm thầy Tích -Cả tổ- Phân công thầy Tích dạy	
12	-Ra đề cương ôn tập. -Phân công ra đề, đáp án, biểu điểm (Chú ý đảm bảo 40% nhận biết, 30% thông hiểu, 30% vận dụng thấp); cấu trúc 3-2-2-3 - Dạy học theo NCBH - Chuyên đề 22/12 - Thanh tra chuyên đề	-Họp tổ phân công -Họp tổ phân công - Theo sự phân công của BGH. -Cả tổ - Phân công cô Tuyết dạy - Cả tổ	
1	-Tiếp tục chấm bài, cộng điểm, vào điểm, chuẩn bị sơ kết học kì I - Kiểm tra hồ sơ, kết thúc thanh tra đợt 1 - Sơ kết học kì I - Nghi tết nguyên đán	-Cả tổ -Tổ trưởng -Tổ trưởng	
2	- Thông qua đề cương SKKN - Dạy học theo TKB	- Các tác giả, tổ trưởng	
3	- Thao giảng, dự giờ rút kinh nghiệm - Thanh tra hoạt động sư phạm các thành viên còn lại - Dạy học theo NCBH - Tham gia sinh hoạt chủ điểm 26/3.	-Cả tổ -Cả tổ- Phân công cô Anh dạy - Cả tổ	
4	- Tiếp tục hội giảng, thao giảng dự giờ và rút kinh nghiệm hoàn thành trong tháng 4 - Hoàn thành sáng kiến kinh nghiệm, thông qua Tổ chuyên môn - Phụ đạo tốt nghiệp (nếu có) - Ôn tập, thống nhất nội dung ôn tập các khối lớp - Dạy học theo NCBH	-Theo phân công -Các đ/c có SKKN -Theo lịch của BGH -Cả tổ -Họp tổ phân công -Cả tổ- Phân công cô Hương dạy	
5	- Tiếp tục phụ đạo	-Theo lịch của BGH	

	- Tiếp tục thi học kỳ II - Giới hạn chương trình thi lại, ra đề thi lại - Kiểm tra hồ sơ - Coi thi, chấm thi, tổng kết tổ. - Tổng kết năm học.	-Theo lịch. -Họp tổ phân công. -Tổ trưởng.	
6,7	- Coi thi và chấm thi TNTHPT - Thực hiện công tác hè do trường triển khai - Coi thi và chấm thi TS10 2026- 2027.	-Theo phân công của Sở. -Theo lịch của trường. -Theo phân công của Sở.	

IV. CÁC CHỈ TIÊU CỦA TỔ TRONG NĂM HỌC:

+ Chất lượng bộ môn:

* Môn Toán:

Đạt TB từ 83% trở lên, trong đó khá giỏi đạt khoảng 38%, thi lại không quá 3%.

- Tỷ lệ tốt nghiệp: Tỷ lệ bình quân điểm môn thi TNTHPT đạt từ 5.5 trở lên .

- Các lớp do các thành viên của tổ chủ nhiệm đạt hạnh kiểm khá, tốt đạt 97% trở lên, hạn chế loại yếu .

- Phần đầu đạt giải cao trong các kì thi giỏi khối 12.

* Môn Tin:

Đạt TB từ 95% trở lên, trong đó khá giỏi đạt khoảng 50%, hạn chế tỷ lệ HS yếu không quá 5%. Thi lại không quá 1%.

- Các danh hiệu của tổ năm học 2025- 2026:

+ Tổ Hoàn thành XSNV- Giấy khen Hiệu trưởng

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 100% ; HTXSNV:06 đồng chí

+ Lao động tiên tiến 100% .

+ CSTĐCS 06 đồng chí.

+ GK Hiệu trưởng:09*

Trên đây là kế hoạch hoạt động tổ Toán- Tin trong năm học 2025 – 2026. Kính mong Ban giám hiệu, Ban thi đua nhà trường xem xét, góp ý, phê duyệt để tổ phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ đã đề ra.

Ý KIẾN CỦA BAN GIÁM HIỆU

PHTCM

Tổ trưởng chuyên môn

Trần Minh Giang

Lê Văn Lên

II. PHẦN II: PHỤ LỤC I KẾ HOẠCH DẠY HỌC BA KHỐI

(Kèm theo Công văn số 1707 /SGDDT-GDTrH ngày 26 tháng 08 năm 2021 của Sở GDĐT)

TRƯỜNG : THPT Đỗ Đăng Tuyển.
TỔ: Toán -Tin

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: TOÁN, KHỐI LỚP 10.NĂM HỌC 2025 – 2026.

1. Đặc điểm tình hình

Số lớp: 10; Số học sinh: 376; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn : 6 lớp

Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 9; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0 GV; Đại học: 9 GV; Trên đại học: 0 GV

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 9 GV; Khá: 0; GV; Đạt: 0 GV; Chưa đạt: 0 GV

Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thực hành	Ghi chú
1	Bộ dụng cụ vẽ trên bảng	5	Thực hành vẽ trên bảng	
2	Thiết bị đo	5	Đo chiều cao của cây, cổng Parabol	
3	Thước thẳng, thước dây, compa, máy tính cầm tay, bảng phụ ,tờ bìa A4, giấy màu các loại, kéo, hồ dán, bút chì, bút màu hoặc sáp màu	Mỗi loại thiết bị (1 cái)/ 1nhóm HS (6-8 em)	Các bài thực hành nhóm	

Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng bộ môn Tin học	01	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	
2	Phòng đa năng	01	Các hoạt động trải nghiệm với các đường conic	
3	Sân chơi	01	Hoạt động trải nghiệm hình học	

2. Kế hoạch dạy học

Phân phối chương trình

Cả năm: 35 tuần (105 tiết);

Trong đó: Học kì 1: 18 tuần (54 tiết); Học kì 2: 17 tuần (51 tiết)

Chuyên đề lựa chọn: 35 tiết / năm học

Bảng 2.2. Phân phối chương trình môn Toán khối lớp 10

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
HỌC KÌ I			
1	1-3	CHƯƠNG I. MỆNH ĐỀ TẬP HỢP Bài 1. Mệnh đề	- Thiết lập và phát biểu được các mệnh đề toán học, bao gồm: mệnh đề phủ định; mệnh đề đảo; mệnh đề tương đương; mệnh đề có chứa kí hiệu " $\neg$ ", " $\wedge$ "; điều kiện cần, điều kiện đủ, điều kiện cần và đủ.
2	4	Bài 1. Mệnh đề	- Xác định được tính đúng/sai của một mệnh đề toán học trong những trường hợp đơn giản.
	5-6	Bài 2. Tập hợp và các phép toán trên tập hợp	- Nhận biết được các khái niệm cơ bản về tập hợp (tập con, hai tập hợp bằng nhau, tập rỗng) và biết sử dụng các kí hiệu $\subseteq$, $\subset$, $\cap$.
3	7-8	Bài 2. Tập hợp và các phép toán trên tập hợp	- Thực hiện được phép toán trên các tập hợp (hợp, giao, hiệu của hai tập hợp, phần bù của một tập con) và biết dùng biểu đồ Ven để biểu diễn chúng trong những trường hợp cụ thể.
	9	Bài tập cuối chương I	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phép toán trên tập hợp (ví dụ: những bài toán liên quan đến đếm số phần tử của hợp các tập hợp,...).
4	10-11	CHƯƠNG II. BẮT	- Nhận biết được bất phương trình bậc nhất hai ẩn.

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
5		PHƯƠNG TRÌNH VÀ HỆ BẤT PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN Bài 3. Bất phương trình bậc nhất hai ẩn	- Biểu diễn được miền nghiệm của bất phương trình bậc nhất hai ẩn trên mặt phẳng tọa độ. - Vận dụng được kiến thức về bất phương trình bậc nhất hai ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn.
	12	Bài 4. Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn	- Nhận biết được hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn. - Biểu diễn được miền nghiệm của hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn trên mặt phẳng tọa độ.
	13-14	Bài 4. Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn	- Vận dụng được kiến thức hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn (Ví dụ: bài toán tìm cực trị của biểu thức $F = ax + by$ trên một miền đa giác,...).
	15	Bài tập cuối chương II	
6	16-17	CHƯƠNG III. HỆ THỨC LƯỢNG TRONG TAM GIÁC Bài 5. Giá trị lượng giác của một góc từ 0^0 đến 180^0	- Nhận biết được giá trị lượng giác của một góc từ 0^0 đến 180^0 - Tính được giá trị lượng giác (đúng hoặc gần đúng) của một góc từ 0^0 đến 180^0 bằng máy tính cầm tay. - Giải thích được hệ thức liên hệ giữa giá trị lượng giác của các góc phụ nhau, bù nhau. - Vận dụng giải một số bài toán có nội dung thực tiễn.
	18	Bài 6. Hệ thức lượng trong tam giác	- Giải thích được các hệ thức lượng cơ bản trong tam giác: định lý cosin, định lý sin, công thức tính diện tích tam giác.
7	19-21	Bài 6. Hệ thức lượng trong tam giác	- Mô tả được cách giải tam giác và vận dụng được vào việc giải một số bài toán có nội dung thực tiễn (ví dụ: xác định khoảng cách giữa hai địa điểm khi gặp vật cản, xác định chiều cao của vật khi không thể đo trực tiếp,...).
8	22	Bài tập cuối chương III	– Hệ thống kiến thức chương III
	23-24	ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I	
9	25	ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I	
	26-27	CHƯƠNG IV. VECTƠ Bài 7. Các khái niệm mở đầu	- Nhận biết được khái niệm vectơ, vectơ bằng nhau, vectơ-không. - Biểu thị được một số đại lượng trong thực tiễn bằng vectơ.
10	28-29	Bài 8. Tổng và hiệu của hai vectơ	- Thực hiện được các phép toán tổng và hiệu hai vectơ. - Mô tả được trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm tam giác bằng vectơ. - Vận dụng vectơ trong bài toán tổng hợp lực, tổng hợp vận tốc.

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
	30	Bài 9. Tích của vector với một số	- Thực hiện được phép toán trên vector (tích của một số với vector) và mô tả được các tính chất hình học (ba điểm thẳng hàng, trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm của tam giác,...) bằng vector. - Sử dụng được vector và các phép toán trên vector để giải thích một số hiện tượng có liên quan đến Vật lí và Hoá học (ví dụ: những vấn đề liên quan đến lực, đến chuyển động,...). - Vận dụng được kiến thức về vector để giải một số bài toán hình học và một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: xác định lực tác dụng lên vật,...).
11	31	Bài 9. Tích của vector với một số	
	32-33	Bài 10. Vector trong mặt phẳng	
12	34	Bài 10. Vector trong mặt phẳng	- Nhận biết được toạ độ của vector đối với một hệ trục toạ độ. - Tìm được toạ độ của một vector, độ dài của một vector khi biết toạ độ hai đầu mút của nó. - Sử dụng được biểu thức toạ độ của các phép toán vector trong tính toán. - Vận dụng được kiến thức về toạ độ của vector để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: vị trí của vật trên mặt phẳng toạ độ,...)
	35-36	Bài 11. Tích vô hướng của hai vector	- Tính góc, tích vô hướng của hai vector trong những trường hợp cụ thể. - Công thức toạ độ của tích vô hướng, tính chất của tích vô hướng.
13	37	Bài 11. Tích vô hướng của hai vector	- Vận dụng được phương pháp toạ độ vào bài toán giải tam giác. - Liên hệ khái niệm tích vô hướng với khái niệm công trong Vật lí.
	38	Bài tập cuối chương IV	– Bài tập cuối chương IV - Vận dụng được kiến thức về vector để giải một số bài toán hình học và một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: Xác định lực tác dụng lên vật,...).
	39	CHƯƠNG V. CÁC SỐ ĐẶC TRƯNG CỦA MẪU SỐ LIỆU KHÔNG GHÉP NHÓM Bài 12. Số gần đúng và sai số	- Hiểu được khái niệm số gần đúng, sai số tuyệt đối. - Xác định được số gần đúng của một số với độ chính xác cho trước. - Xác định được sai số tương đối của số gần đúng. - Xác định được số quy tròn của số gần đúng với độ chính xác cho trước. - Biết sử dụng máy tính cầm tay để tính toán với các số gần đúng.
14	40	Bài 12. Số gần đúng và sai số	
	41-42	Bài 13. Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm	- Tính được số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu không ghép nhóm: số trung bình cộng (hay số trung bình), trung vị (<i>median</i>), tứ phân vị (<i>quartiles</i>), môđ (<i>mode</i>). - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
			thực tiễn. - Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản.
15	43-45	Bài 14. Các số đặc trưng đo độ phân tán	- Tính được số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm: khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị, phương sai, độ lệch chuẩn. - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. - Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản. - Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức của các môn học trong Chương trình lớp 10 và trong thực tiễn.
16	46	Bài tập cuối chương V	Hệ thống kiến thức của chương V
	47-48	HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM Tìm hiểu một số kiến thức về tài chính	
17	49-50	Mạng xã hội: Lợi và hại	
	51	ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I	
18	52-54	ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I	
HỌC KÌ II			
19	55-57	CHƯƠNG VI. HÀM SỐ, ĐỒ THỊ VÀ ỨNG DỤNG Bài 15. Hàm số	- Nhận biết được những mô hình thực tế (dạng bảng, biểu đồ, công thức) dẫn đến khái niệm hàm số. - Mô tả được các khái niệm cơ bản về hàm số: định nghĩa hàm số, tập xác định, tập giá trị, hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến, đồ thị của hàm số.
20	58	Bài 15. Hàm số	- Mô tả được các đặc trưng hình học của đồ thị hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến. - Vận dụng được kiến thức của hàm số vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: xây dựng hàm số bậc nhất trên những khoảng khác nhau để tính số tiền y (phải trả) theo số phút gọi x đối với một gói cước điện thoại,...).
	59-60	Bài 16. Hàm số bậc hai	- Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc hai.
21	61	Bài 16. Hàm số bậc hai	- Vẽ được parabol (parabola) là đồ thị của hàm số bậc hai. - Nhận biết được các yếu tố cơ bản của đường parabol như đỉnh, trục đối xứng. - Nhận biết và giải thích được các tính chất của hàm số bậc hai thông qua đồ thị. - Vận dụng được kiến thức về hàm số bậc hai và đồ thị vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: xác định độ cao của cầu, cổng có hình dạng Parabola,...).
	62-63	Bài 17. Dấu của tam thức bậc hai	- Giải thích được định lý về dấu của tam thức bậc hai từ việc quan sát đồ thị của hàm bậc hai.

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
22	64	Bài 17. Dấu của tam thức bậc hai	- Giải được bất phương trình bậc hai. - Vận dụng được bất phương trình bậc hai một ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn (Ví dụ: xác định chiều cao tối đa để xe có thể qua hầm có hình dạng Parabola,...).
	65-66	Bài 18. Phương trình quy về phương trình bậc hai	Giải phương trình chứa căn thức có dạng: $\sqrt{ax^2 + bx + c} = \sqrt{dx^2 + ex + f}; \sqrt{ax^2 + bx + c} = dx + e.$
23	67	Bài tập cuối chương VI	
	68-69	CHƯƠNG VII. PHƯƠNG PHÁP TỌA ĐỘ TRONG MẶT PHẪNG Bài 19. Phương trình đường thẳng	- Mô tả được phương trình tổng quát và phương trình tham số của đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ. - Thiết lập được phương trình của đường thẳng trong mặt phẳng khi biết: một điểm và một vector pháp tuyến; biết một điểm và một vector chỉ phương; biết hai điểm. - Giải thích được mối liên hệ giữa đồ thị hàm số bậc nhất và đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ. - Vận dụng kiến thức về phương trình đường thẳng để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn.
24	70-72	Bài 20. Vị trí tương đối giữa hai đường thẳng. Góc và khoảng cách	- Nhận biết được hai đường thẳng cắt nhau, song song, trùng nhau, vuông góc với nhau bằng phương pháp tọa độ. - Thiết lập được công thức tính góc giữa hai đường thẳng. - Tính được khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng bằng phương pháp tọa độ. - Vận dụng các công thức tính góc và khoảng cách để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn.
25	73-74	Bài 21. Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ	- Thiết lập được phương trình đường tròn khi biết tọa độ tâm và bán kính; biết tọa độ ba điểm mà đường tròn đi qua; xác định được tâm và bán kính đường tròn khi biết phương trình của đường tròn. - Thiết lập được phương trình tiếp tuyến của đường tròn khi biết tọa độ của tiếp điểm. - Vận dụng được kiến thức về phương trình đường tròn để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn (Ví dụ: bài toán về chuyển động tròn trong Vật lí,...).
	75	Bài 22. Ba đường conic	- Nhận biết được ba đường conic bằng hình học.
26	76-78	Bài 22. Ba đường conic	- Nhận biết được phương trình chính tắc của ba đường conic trong mặt phẳng tọa độ. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với ba đường conic (Ví dụ: giải thích một số hiện tượng trong Quang học,...).
27	79	Bài tập cuối chương VII	
	80-81	ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II	

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
28	82	ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II	
	83-84	CHƯƠNG VIII. ĐẠI SỐ TỔ HỢP Bài 23. Quy tắc đếm	- Vận dụng được quy tắc cộng và quy tắc nhân trong một số tình huống đơn giản (Ví dụ: đếm số khả năng xuất hiện mặt sấp/ngửa khi tung một số đồng xu,...). - Vận dụng được sơ đồ hình cây trong các bài toán đếm đơn giản các đối tượng trong Toán học, trong các môn học khác cũng như trong thực tiễn (Ví dụ: đếm số hợp tử tạo thành trong Sinh học, hoặc đếm số trận đấu trong một giải thể thao,...). - Tính được số hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp. - Tính được số hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp bằng máy tính cầm tay.
29	85-86	Bài 23. Quy tắc đếm	
	87	Bài 24. Hoán vị, chỉnh hợp và tổ hợp	
30	88-90	Bài 24. Hoán vị, chỉnh hợp và tổ hợp	
31	91-92	Bài 25. Nhị thức Newton	Khai triển nhị thức Newton $(a + b)^n$ với số mũ thấp ($n = 4$ hoặc $n = 5$) bằng cách vận dụng tổ hợp.
	93	Bài tập cuối chương VIII	
32	94-95	CHƯƠNG IX. TÍNH XÁC SUẤT THEO ĐỊNH NGHĨA CỔ ĐIỂN Bài 26. Biến cố và định nghĩa cổ điển của xác suất	- Nhận biết được một số khái niệm về xác suất cổ điển: phép thử ngẫu nhiên; không gian mẫu; biến cố (biến cố là tập con của không gian mẫu); biến cố đối; định nghĩa cổ điển của xác suất; nguyên lí xác suất bé. - Mô tả được không gian mẫu, biến cố trong một số thí nghiệm đơn giản (Ví dụ: tung đồng xu hai lần, tung đồng xu ba lần, tung xúc xắc hai lần). - Mô tả tính chất cơ bản của xác suất.
	96	Bài 27. Thực hành tính xác suất theo định nghĩa cổ điển	
33	97-98	Bài 27. Thực hành tính xác suất theo định nghĩa cổ điển	- Tính được xác suất của biến cố trong một số bài toán đơn giản bằng phương pháp tổ hợp (trường hợp xác suất phân bố đều). - Tính được xác suất trong một số thí nghiệm lặp bằng cách sử dụng sơ đồ hình cây (Ví dụ: tung xúc xắc hai lần, tính xác suất để tổng số chấm xuất hiện trong hai lần tung bằng 7). - Nhận và vận dụng quy tắc tính xác suất của biến cố đối.
	99	Bài tập cuối chương IX	
34	100-101	HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM Một số nội dung cho hoạt động trải nghiệm hình học	
	102	Ước tính số cá thể trong một quần thể	
35	103-105	ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II	

Bảng 2.3. Kế hoạch dạy học chuyên đề Toán khối lớp 10 (35 tiết, mỗi tuần 1 tiết)

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
HỌC KÌ I			
1	1	CHUYÊN ĐỀ 1. HỆ PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT BA ẨN Bài 1. Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	- Nhận biết được khái niệm nghiệm của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn. - Giải được hệ phương trình bậc nhất ba ẩn bằng phương pháp Gauss. - Tìm được nghiệm hệ phương trình bậc nhất ba ẩn bằng máy tính cầm tay.
2	2	Bài 1. Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	
3	3	Bài 1. Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	
4	4	Bài 1. Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	
5	5	Bài 1. Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	
6	6	Bài 2. Ứng dụng của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	- Vận dụng được cách giải hệ phương trình bậc nhất ba ẩn vào giải quyết một số bài toán Vật lí (tính điện trở, tính cường độ dòng điện trong dòng điện không đổi,...), Hoá học (cân bằng phản ứng,...), Sinh học (bài tập nguyên phân, giảm phân,...). - Vận dụng cách giải hệ phương trình bậc nhất ba ẩn để giải quyết một số vấn đề thực tiễn cuộc sống (ví dụ: bài toán lập kế hoạch sản xuất, mô hình cân bằng thị trường, phân bổ vốn đầu tư,...).
7	7	Bài 2. Ứng dụng của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	
8	8	Bài 2. Ứng dụng của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	
9	9	Bài 2. Ứng dụng của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	
10	10	Bài tập chuyên đề 1	
11	11	Bài tập chuyên đề 1	
12	12	CHUYÊN ĐỀ 2. PHƯƠNG PHÁP QUY nạp TOÁN HỌC. NHỊ THỨC NEWTON Bài 3. Phương pháp quy nạp toán học	- Mô tả được các bước chứng minh tính đúng đắn của một mệnh đề toán học bằng phương pháp quy nạp. - Chứng minh được tính đúng đắn của một mệnh đề toán học bằng phương pháp quy nạp toán học. - Vận dụng được phương pháp quy nạp toán học để giải quyết một số vấn đề thực tiễn.
13	13	Bài 3. Phương pháp quy nạp toán học	
14	14	Bài 3. Phương pháp quy nạp toán học	
15	15	Bài 3. Phương pháp quy nạp toán học	

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
		toán học	
16	16	Bài 4. Nhị thức Newton	- Khai triển được nhị thức Newton $(a + b)^n$ bằng cách vận dụng tổ hợp. - Xác định được các hệ số trong nhị thức Newton thông qua tam giác Pascal. - Xác định được hệ số của x^k trong khai triển $(a + b)^n$ thành đa thức.
17	17	Bài 4. Nhị thức Newton	
18	18	Bài 4. Nhị thức Newton	
HỌC KÌ II			
19	19	Bài 4. Nhị thức Newton	- Khai triển được nhị thức Newton $(a + b)^n$ bằng cách vận dụng tổ hợp. - Xác định được các hệ số trong nhị thức Newton thông qua tam giác Pascal. - Xác định được hệ số của x^k trong khai triển $(a + b)^n$ thành đa thức.
20	20	Bài 4. Nhị thức Newton	
21	21	Bài tập chuyên đề 2	
22	22	CHUYÊN ĐỀ 3. BA ĐƯỜNG CONIC VÀ ỨNG DỤNG Bài 5. Elip	- Xác định được các yếu tố đặc trưng của đường elip (hình dạng, tiêu điểm, tiêu cự, bán kính qua tiêu, độ dài các trục, tâm sai, đường chuẩn...) khi biết phương trình chính tắc của đường elip đó. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với đường elip.
23	23	Bài 5. Elip	
24	24	Bài 5. Elip	
25	25	Bài 6. Hypebol	- Xác định được các yếu tố đặc trưng của đường hypebol (hình dạng, tiêu điểm, tiêu cự, bán kính qua tiêu, độ dài các trục, tâm sai, đường chuẩn...) khi biết phương trình chính tắc của đường hypebol đó. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với đường hypebol.
26	26	Bài 6. Hypebol	
27	27	Bài 6. Hypebol	
28	28	Bài 7. Parabol	- Xác định được các yếu tố đặc trưng của đường parabol (hình dạng, tham số tiêu, bán kính qua tiêu, tâm sai, đường chuẩn...) khi biết phương trình chính tắc của đường parabol đó. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với đường parabol.
29	29	Bài 7. Parabol	
30	30	Bài 8. Sự thống nhất giữa ba đường conic	
31	31	Bài 8. Sự thống nhất giữa ba đường conic	- Nhận biết được đường conic như là giao của mặt phẳng với mặt nón. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với ba đường conic.
32	32	Bài tập chuyên đề 3	
33	33	Ôn tập kiểm tra	
34	34	Ôn tập kiểm tra	
35	35	Ôn tập kiểm tra	

Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	90 phút	Tuần thứ 9	Đáp ứng yêu cầu cần đạt chủ đề 1, chủ đề 2, chủ đề 3	Thi viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	90 phút	Tuần thứ 18	Đáp ứng yêu cầu cần đạt chủ đề 2, chủ đề 3, chủ đề 4 và chủ đề 5	Thi viết trên giấy (tập trung toàn khối)
Giữa Học kỳ II	90 phút	Tuần thứ 27	Đáp ứng yêu cầu cần đạt chủ đề 6, chủ đề 7	Thi viết trên giấy
Cuối Học kỳ II	90 phút	Tuần thứ 34	Đáp ứng yêu cầu cần đạt chủ đề 7, chủ đề 8, chủ đề 9	Thi viết trên giấy (tập trung toàn khối)

Các nhiệm vụ khác:

1. Bồi dưỡng học sinh giỏi:

a) Mục đích:

- Giúp các em học sinh có điều kiện học tập, phát triển tư duy, sáng tạo, có thái độ học tập đúng đắn, tự nghiên cứu, tìm tòi, tham khảo tài liệu.
- Giúp các em có phương pháp học tập tích cực trong các bộ môn, kích thích sự phát triển thông minh, ham hiểu biết, không ỷ lại.
- Giúp cho các em có năng khiếu bộ môn có cơ hội tiếp cận những vấn đề nâng cao và sâu hơn, qua đó tạo cho các em niềm đam mê và yêu thích môn học.
- Giúp các em có cơ hội rèn luyện, phấn đấu trở thành học sinh giỏi xuất sắc phát triển toàn diện.

b) Thời gian thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm.
- Triển khai kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi trong buổi họp Hội đồng sư phạm cho mọi thành viên cùng biết và thực hiện.
- Theo dõi kết quả học tập của các em từ đó có nhiều biện pháp thích hợp để giúp giáo viên và học sinh dạy tốt và học tốt.

c) Kế hoạch học tập: Theo kế hoạch của nhà trường

d) Biện pháp thực hiện:

- Phân công giáo viên có năng lực bồi dưỡng HSG, có thể phân chia nhiều nội dung bồi dưỡng cho nhiều giáo viên khác nhau.
- Lấy danh sách HSG và đôn đốc các em để học tập tốt hơn.

2. Giúp đỡ học sinh yếu

a) Mục đích:

- Giúp học sinh yếu – kém được ôn tập củng cố những kiến thức cơ bản để có cơ sở tiếp thu bài mới được tốt hơn, nâng cao kết quả học tập.

- Nhằm từng bước khắc phục tỉ lệ HS yếu, kém giảm so với năm học trước, nâng dần chất lượng dạy và học, hoàn thành giáo dục toàn diện của trường đạt chuẩn quốc gia.

b) Thời gian thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm.
- Triển khai kế hoạch phụ đạo cho học sinh yếu, kém trong buổi họp Hội đồng sư phạm cho mọi thành viên cùng biết và thực hiện.
- Theo dõi kết quả học tập của các em từ đó có nhiều biện pháp thích hợp để giúp giáo viên và học sinh dạy tốt và học tốt.
- Tổ chức phụ đạo những kiến thức cơ bản trong nội dung chương trình sách giáo khoa, đảm bảo chuẩn kiến thức – kỹ năng theo chủ đề bám sát để giúp học sinh nắm được kiến thức chắc chắn.

c) Kế hoạch học tập:

- Lập danh sách học sinh học yếu
- Giáo viên dạy lớp mình có kế hoạch bồi dưỡng riêng cho các em học tập yếu và báo cáo với nhà trường hoặc thực hiện theo kế hoạch của nhà trường.

d) Biện pháp thực hiện:

- Truyền đạt kiến thức cho học sinh đồng thời dạy đủ các đối tượng học sinh yếu - kém. Kiểm tra hướng dẫn thường xuyên.
- GVCN tìm hiểu hoàn cảnh của học sinh yếu-kém; liên hệ thường xuyên với phụ huynh để tìm biện pháp giải quyết. Nhiệt tình thể hiện tinh thần trách nhiệm cao hơn đối với học sinh.
- Hướng dẫn các em cách học và chuẩn bị bài ở nhà cho ngày hôm sau.
- Tổ chức các hình thức dạy học trên lớp phong phú hơn để thu hút học sinh chú ý vào bài học.
- Đôn đốc học sinh đi đều và đi đủ, cho 1 học sinh khá, giỏi kèm cặp học sinh yếu kém.
- Khi dạy sử dụng triệt để đồ dùng dạy học, liên hệ thực tế sinh động; giúp học sinh dễ nhớ bài.
- Qua khảo sát chất lượng đầu năm giáo viên bộ môn chọn ra những học sinh yếu kém và lên kế hoạch phụ đạo kịp thời
- Dạy theo thời khóa biểu quy định mỗi tuần 2 tiết ngoài thời khóa biểu chính khóa.
- Sau 4 tuần giáo viên cho học sinh làm bài kiểm tra để xóa kém và chọn những học sinh khác tiếp tục nâng kém đợt II (nếu có).
- Mỗi tiết dạy giáo viên ôn lại kiến thức mà học sinh bị hỏng sau đó cho bài tập áp dụng rèn kỹ năng.

KHỐI 11- NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Công văn số 1707 /SGDDT-GDTrH ngày 26 tháng 08 năm 2021 của Sở GDĐT)

3. Đặc điểm tình hình

Số lớp: 13; Số học sinh: 435; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn : 7 lớp

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 9; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0 GV; Đại học: 9 GV; Trên đại học: 0 GV

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 9 GV; Khá: 0; GV; Đạt: 0 GV; Chưa đạt: 0 GV

3.Thiết bị dạy học

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Các bài thí nghiệm/thực hành
1	Bộ thiết bị vẽ bảng	01 bộ/GV	- Thước thẳng dài 500mm, có đơn vị đo là Inch và cm.	Tất cả các tiết dạy.

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Các bài thí nghiệm/thực hành
	dạy học.		- Ê ke vuông, kích thước (400 x 400)mm. - 03 chiếc compa dài 400mm với đầu được thiết kế thuận lợi khi vẽ trên bảng bằng phấn, bút dạ, một đầu thuận lợi cho việc cố định trên mặt bằng.	
2	Máy vi tính/phần mềm toán học	01 bộ/GV	- Phần mềm toán học đảm bảo vẽ đồ thị của hàm số bậc hai; đồ thị hàm số lượng giác; tạo mô hình thao tác động mô tả giới hạn, mô tả hàm số liên tục; tạo mô hình mô tả đạo hàm, ý nghĩa hình học của tiếp tuyến; tạo hoa văn, hình khối, tính toán trong đại số và giải tích; tạo mô hình khối tròn xoay trong một số bài toán ứng dụng tích phân xác định; - Phần mềm toán học đảm bảo biểu thị được điểm, vector, các phép toán vector trong hệ trục tọa độ Oxy; vẽ đường thẳng, đường tròn, các đường conic trên mặt phẳng tọa độ; tạo được sự thay đổi hình dạng của các hình khi thay đổi các yếu tố trong phương trình xác định chúng; thiết kế đồ họa liên quan đến đường tròn và các đường conic; vẽ đường thẳng, mặt phẳng, giao điểm, giao tuyến, tạo hình trong không gian, xác định hình biểu diễn; tạo mô hình khối tròn xoay trong một số bài toán ứng dụng tích phân xác định; vẽ đường thẳng, mặt phẳng, mặt cầu trong hệ trục tọa độ $Oxyz$; xem xét sự thay đổi hình dạng khi thay đổi các yếu tố trong phương trình của chúng; - Phần mềm toán học đảm bảo hỗ trợ HS thực hành tính số đặc trưng đo xu thế trung tâm và đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm, ghép nhóm; tính xác suất; tính phân bố nhị thức, tính toán thống kê; - Phải sử dụng phần mềm không vi phạm bản quyền.	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng máy tính	01	Sử dụng để giảng dạy: Phần mềm toán học hỗ trợ học sinh khám phá, hình thành, thực hành, luyện tập các kiến thức hình học; các kiến thức thống kê và xác suất. Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra	

II.Kế hoạch cụ thể

Học kì 1	18 Tuần x 3 tiết = 54 tiết	Chuyên đề 18 x 1= 18 tiết	Hoạt động trải nghiệm 04 tiết
Học kì 2	17 Tuần x 3 tiết = 51 tiết	Chuyên đề 17 x 1=17 tiết	Hoạt động trải nghiệm 03 tiết

HỌC KÌ I: 18 TUẦN			
TUẦN	TIẾT	BÀI HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
CHƯƠNG I: HÀM SỐ LƯỢNG GIÁC VÀ CHƯƠNG TRÌNH LƯỢNG GIÁC (10 tiết)			
1	1, 2, 3	Bài 1: Giá trị lượng giác của góc lượng giác	- Nhận biết các khái niệm cơ bản về góc lượng giác. - Nhận biết khái niệm giá trị lượng giác của một góc lượng giác. - Mô tả bảng giá trị lượng giác của một số góc lượng giác thường gặp; hệ thức cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc lượng giác; quan hệ giữa các giá trị lượng giác của các góc lượng giác có liên quan đặc biệt: bù nhau, phụ nhau, đối nhau, hơn kém nhau p. - Sử dụng máy tính cầm tay để tính giá trị lượng giác của một góc lượng giác khi biết số đo của góc đó. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với giá trị lượng giác của góc lượng giác.
2	4, 5	Bài 2: Công thức lượng giác	- Mô tả các phép biến đổi lượng giác cơ bản: công thức cộng; công thức góc nhân đôi; công thức biến đổi tích thành tổng và công thức biến đổi tổng thành tích. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với giá trị lượng giác của góc lượng giác và các phép biến đổi lượng giác.

	6	Bài 3: Hàm số lượng giác	- Nhận biết các khái niệm về hàm số chẵn, hàm số lẻ, hàm số tuần hoàn. - Nhận biết các đặc trưng hình học của đồ thị hàm số chẵn, hàm số lẻ, hàm số tuần hoàn. - Nhận biết các hàm số lượng giác $y = \sin x$, $y = \cos x$, $y = \tan x$, $y = \cot x$ thông qua đường tròn lượng giác. Mô tả bảng giá trị của bốn hàm số lượng giác đó trên một chu kì. - Vẽ đồ thị của các hàm số $y = \sin x$, $y = \cos x$, $y = \tan x$, $y = \cot x$. - Giải thích tập xác định; tập giá trị; tính chất chẵn, lẻ; tính tuần hoàn; chu kì; khoảng đồng biến, nghịch biến của các hàm số $y = \sin x$, $y = \cos x$, $y = \tan x$, $y = \cot x$ dựa vào đồ thị. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với hàm số lượng giác.
3	7	Bài 3: Hàm số lượng giác (tiếp theo)	
	8, 9	Bài 4: Phương trình lượng giác cơ bản	- Nhận biết công thức nghiệm của phương trình lượng giác cơ bản bằng cách vận dụng đồ thị hàm số lượng giác tương ứng. - Tính nghiệm gần đúng của phương trình lượng giác cơ bản bằng máy tính cầm tay. - Giải phương trình lượng giác ở dạng vận dụng trực tiếp phương trình lượng giác cơ bản. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình lượng giác.
4	10	Bài tập cuối chương I	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
	CHƯƠNG II: DÃY SỐ, CẤP SỐ CỘNG VÀ CẤP SỐ NHÂN (7 tiết)		
	11, 12	Bài 5: Dãy số	- Nhận biết dãy số hữu hạn, dãy số vô hạn. - Thể hiện cách cho dãy số bằng liệt kê các số hạng; bằng công thức tổng quát; bằng hệ thức truy hồi; bằng cách mô tả. - Nhận biết tính chất tăng, giảm, bị chặn của dãy số trong những trường hợp đơn giản.
5	13, 14	Bài 6: Cấp số cộng	- Nhận biết một dãy số là cấp số cộng. - Giải thích công thức xác định số hạng tổng quát của cấp số cộng. - Tính tổng của n số hạng đầu của cấp số cộng. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với cấp số cộng.

	15	Bài 7: Cấp số nhân	- Nhận biết một dãy số là cấp số nhân. - Giải thích công thức xác định số hạng tổng quát của cấp số nhân. - Tính tổng của n số hạng đầu của cấp số nhân. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với cấp số nhân để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn.
6	16	Bài 7: Cấp số nhân (tiếp theo)	
	17	Bài tập cuối chương II	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
	CHƯƠNG III: CÁC SỐ ĐẶC TRƯNG ĐO XU THẾ TRUNG TÂM CỦA MẪU SỐ LIỆU GHÉP NHÓM (4 tiết)		
	18	Bài 8: Mẫu số liệu ghép nhóm	- Đọc và giải thích mẫu số liệu ghép nhóm. - Ghép nhóm mẫu số liệu.
7	19, 20	Bài 9: Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm	- Tính các số đặc trưng đo xu thế trung tâm của mẫu số liệu ghép nhóm. - Hiểu ý nghĩa, vai trò của các số đặc trưng của mẫu số liệu thực tế.
	21	Bài tập cuối chương III	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
8	22	Ôn tập giữa kỳ I	- Hệ thống kiến thức lý thuyết. - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải (chú ý các lưu ý cần thiết khi giải toán). - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn .
	23, 24	Kiểm tra giữa kỳ I	Kiến thức: Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ. Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.
CHƯƠNG IV: QUAN HỆ SONG SONG TRONG KHÔNG GIAN (15 tiết)			

9	25, 26, 27	Bài 10: Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian.	- Nhận biết các quan hệ liên thuộc cơ bản giữa điểm, đường thẳng, mặt phẳng trong không gian. - Mô tả ba cách xác định mặt phẳng. - Xác định giao tuyến của hai mặt phẳng, giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng. - Nhận biết hình chóp và hình tứ diện. - Mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan đến đường thẳng, mặt phẳng trong không gian.
10	28, 29, 30	Bài 11: Hai đường thẳng song song	- Nhận biết vị trí tương đối của hai đường thẳng trong không gian: hai đường thẳng trùng nhau, song song, cắt nhau, chéo nhau. - Giải thích tính chất cơ bản của hai đường thẳng song song trong không gian. - Vận dụng kiến thức về hai đường thẳng song song để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.
11	31, 32	Bài 12: Đường thẳng song song với mặt phẳng	- Nhận biết đường thẳng song song với mặt phẳng. - Giải thích điều kiện để đường thẳng song song với mặt phẳng. - Giải thích tính chất cơ bản về đường thẳng song song với mặt phẳng. - Mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan đến đường thẳng song song với mặt phẳng.
	33	Bài 13: Hai mặt phẳng song song	- Nhận biết hai mặt phẳng song song trong không gian. - Giải thích điều kiện để hai mặt phẳng song song. - Giải thích tính chất cơ bản về hai mặt phẳng song song. - Giải thích định lý Thalès trong không gian. - Giải thích tính chất cơ bản của hình lăng trụ và hình hộp. - Mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan đến hai mặt phẳng song song trong không gian.
12	34, 35, 36	Bài 13: Hai mặt phẳng song song (tiếp theo)	
13	37, 38	Bài 14: Phép chiếu song song	- Nhận biết khái niệm và tính chất cơ bản về phép chiếu song song. - Xác định ảnh của một điểm, một đoạn thẳng, một tam giác, một đường tròn qua phép chiếu song song. - Vẽ hình biểu diễn của một số hình khối đơn giản. - Mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan đến phép chiếu song song.

	39	Bài tập cuối chương IV (1 tiết)	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
CHƯƠNG V: GIỚI HẠN. HÀM SỐ LIÊN TỤC (7 tiết)			
14	40, 41	Bài 15: Giới hạn của dãy số	- Nhận biết khái niệm giới hạn của dãy số. - Giải thích một số giới hạn cơ bản. - Vận dụng các phép toán giới hạn để tìm giới hạn của một số dãy số đơn giản. - Tính tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn và vận dụng được kết quả đó để giải quyết một số tình huống thực tiễn giả định hoặc liên quan đến thực tiễn.
	42	Bài 16: Giới hạn của hàm số	- Nhận biết khái niệm giới hạn hữu hạn của hàm số tại một điểm và tại vô cực. - Nhận biết khái niệm giới hạn một phía. - Nhận biết khái niệm giới hạn vô cực. - Tính một số dạng giới hạn của hàm số. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với giới hạn của hàm số.
15	43	Bài 16: Giới hạn của hàm số (tiếp theo)	
	44, 45	Bài 17: Hàm số liên tục	- Nhận dạng hàm số liên tục tại một điểm, hoặc trên một khoảng, trên một đoạn. - Nhận dạng tính liên tục của tổng, hiệu, tích, thương của hai hàm số liên tục. - Nhận biết tính liên tục của một số hàm sơ cấp cơ bản trên tập xác định của chúng.
16	46	Bài tập cuối chương V	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
	47, 48	Ôn tập cuối kỳ I	- Hệ thống kiến thức lý thuyết. - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải. - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn.
17	49,50	Kiểm tra cuối kỳ I	Kiến thức: Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ. Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.
	HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM (4 tiết)		

	51	Một vài ứng dụng của toán học trong tài chính	Học sinh biết vận dụng toán học để giải quyết một số vấn đề tài chính như bài toán gửi tiết kiệm tích lũy, bài toán vay trả góp.
18	52	Một vài ứng dụng của toán học trong tài chính (tiếp theo)	
	53, 54	Lực căng mặt ngoài của nước	- Học sinh biết thực hiện thí nghiệm để thu thập dữ liệu, biết sử dụng những số đặc trưng của số liệu ghép nhóm để so sánh kết quả và rút ra một số kết luận.

HỌC KÌ II: 17 TUẦN			
TUẦN	TIẾT	BÀI DẠY	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
CHƯƠNG VI: HÀM SỐ MŨ VÀ HÀM SỐ LOGARIT (8 tiết)			
19	55, 56	Bài 18: Lũy thừa với số mũ thực	- Nhận biết khái niệm lũy thừa với số mũ nguyên của một số thực khác 0 ; lũy thừa với số mũ hữu tỉ và lũy thừa với số mũ thực của một số thực dương. - Giải thích các tính chất của lũy thừa với số mũ nguyên, lũy thừa với số mũ hữu tỉ và lũy thừa với số mũ thực. - Sử dụng tính chất của phép tính lũy thừa trong tính toán các biểu thức số và rút gọn các biểu thức chứa biến. - Tính giá trị biểu thức số có chứa phép tính lũy thừa bằng cách sử dụng máy tính cầm tay. - Giải quyết một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc thực tiễn gắn liền với phép tính lũy thừa.
	57	Bài 19: Logarit	- Nhận biết khái niệm lôgarit cơ số a của một số thực dương. - Giải thích các tính chất của phép tính lôgarit nhờ sử dụng định nghĩa hoặc các tính chất đã biết trước đó. - Sử dụng tính chất của phép tính lôgarit trong tính toán các biểu thức số và rút gọn các biểu thức chứa biến. - Tính giá trị (đúng hoặc gần đúng) của lôgarit bằng cách sử dụng máy tính cầm tay. - Giải quyết một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc thực tiễn gắn với phép tính lôgarit.
20	58	Bài 19: Logarit (tiếp	

		theo)	
	59	Bài 20: Hàm số mũ và hàm số logarit	- Nhận biết hàm số mũ và hàm số logarit. Nêu một số ví dụ thực tế về hàm số mũ, hàm số logarit. - Nhận dạng đồ thị của các hàm số mũ, hàm số logarit. - Giải thích các tính chất của hàm số mũ, hàm số logarit thông qua đồ thị của chúng. - Giải quyết một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc thực tiễn gắn với hàm số mũ và hàm số logarit.
	60	Bài 21: Phương trình, bất phương trình mũ và logarit	- Giải phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit ở dạng đơn giản. - Giải quyết một số vấn đề liên môn hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit.
21	61	Bài 21: Phương trình, bất phương trình mũ và logarit (tiếp theo)	
	62	Bài tập cuối chương VI	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
	CHƯƠNG VII: QUAN HỆ VUÔNG GÓC TRONG KHÔNG GIAN (17 tiết)		
	63	Bài 22: Hai đường thẳng vuông góc	- Nhận biết góc giữa hai đường thẳng. - Nhận biết hai đường thẳng vuông góc. - Chứng minh hai đường thẳng vuông góc trong một số tình huống đơn giản. - Vận dụng kiến thức về quan hệ vuông góc giữa hai đường thẳng để mô tả một số hình ảnh thực tế.
22	64	Bài 22: Hai đường thẳng vuông góc (tiếp theo)	
	65,66	Bài 23: Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng	- Nhận biết đường thẳng vuông góc với mặt phẳng - Điều kiện để đường thẳng vuông góc với mặt phẳng - Giải thích mối liên hệ giữa quan hệ song song và quan hệ vuông góc của đường thẳng và mặt phẳng - Vận dụng kiến thức về quan hệ vuông góc giữa đường thẳng và mặt phẳng vào thực tế

23	67	Bài 23: Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng (tiếp theo)	
	68,69	Bài 24: Phép chiếu vuông góc, góc giữa đường thẳng và mặt phẳng	- Nhận biết phép chiếu vuông góc. - Xác định hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác. - Giải thích định lý ba đường vuông góc. - Nhận biết và tính góc giữa đường thẳng và mặt phẳng trong một số trường hợp đơn giản. - Vận dụng kiến thức về góc giữa đường thẳng và mặt phẳng để mô tả một số hình ảnh thực tế.
24	70, 71, 72	Bài 25: Hai mặt phẳng vuông góc	- Nhận biết góc giữa hai mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc. - Xác định điều kiện hai mặt phẳng vuông góc. - Giải thích tính chất cơ bản của hai mặt phẳng vuông góc. - Nhận biết góc phẳng của góc nhị diện, tính góc phẳng nhị diện trong một số trường hợp đơn giản. - Giải thích tính chất cơ bản của hình chóp đều, hình lăng trụ đứng (và các trường hợp đặc biệt của nó). - Vận dụng kiến thức của bài học để mô tả một số hình ảnh thực tế.
25	73	Bài 25: Hai mặt phẳng vuông góc (tiếp theo)	
	74,75	Bài 26: Khoảng cách	- Xác định khoảng cách giữa các đối tượng điểm, đường thẳng, mặt phẳng. - Xác định đường vuông góc chung của hai đường thẳng chéo nhau trong các trường hợp đơn giản. - Vận dụng kiến thức về khoảng cách vào một số tình huống thực tế.
26	76	Bài 26: Khoảng cách (tiếp theo)	
	77,78	Bài 27: Thể tích	- Nhận biết công thức tính thể tích của khối chóp, khối lăng trụ, khối hộp, khối chóp cắt đều - Tính thể tích của khối chóp, khối lăng trụ, khối hộp, khối chóp cắt đều trong một số tình huống đơn giản. - Vận dụng kiến thức, kỹ năng về thể tích vào một số bài toán thực tế.
27	79	Ôn tập giữa kỳ II	- Hệ thống kiến thức lý thuyết. - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải (chú ý các lưu ý cần thiết khi giải toán).

			- Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn .
	80, 81	Kiểm tra giữa kỳ II	Kiến thức: Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ. Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.
28	82	Bài tập cuối chương VII	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết. - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn .
	CHƯƠNG VIII: CÁC QUY TẮC TÍNH XÁC SUẤT (9 tiết)		
	83,84	Bài 28: Biến cố hợp, biến cố giao, biến cố độc lập	- Nhận biết các khái niệm biến cố hợp, biến cố giao, biến cố độc lập.
29	85	Bài 28: Biến cố hợp, biến cố giao, biến cố độc lập (tiếp theo)	
	86,87	Bài 29: Công thức cộng xác suất	- Tính xác suất của biến cố hợp của hai biến cố xung khắc bằng cách sử dụng công thức cộng xác suất. - Tính xác suất của biến cố hợp của hai biến cố bất kì bằng cách sử dụng công thức cộng xác suất và phương pháp tổ hợp.
30	88	Bài 29: Công thức cộng xác suất (tiếp theo)	
	89,90	Bài 30: Công thức nhân cho 2 biến cố độc lập	Tính xác suất của biến cố giao của hai biến cố độc lập bằng cách sử dụng công thức nhân xác suất và sơ đồ hình cây.
31	91	Bài tập cuối chương VIII	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết. - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn .
	CHƯƠNG IX: ĐẠO HÀM (7 tiết)		

	92, 93	Bài 31: Định nghĩa và ý nghĩa của đạo hàm	- Nhận biết một số bài toán dẫn đến khái niệm đạo hàm. - Nhận biết định nghĩa đạo hàm. Tính đạo hàm của một số hàm đơn giản bằng định nghĩa. - Nhận biết ý nghĩa hình học của đạo hàm. Thiết lập phương trình tiếp tuyến của đồ thị hàm số tại một điểm thuộc đồ thị. - Vận dụng định nghĩa đạo hàm vào giải quyết một số bài toán thực tiễn.
32	94, 95, 96	Bài 32: Các quy tắc tính đạo hàm	- Tính đạo hàm của một số hàm sơ cấp cơ bản. - Sử dụng các công thức tính đạo hàm của tổng, hiệu, tích, thương các hàm số và đạo hàm của hàm số hợp. - Vận dụng các quy tắc đạo hàm để giải quyết một số bài toán thực tiễn.
33	97	Bài 33: Đạo hàm cấp hai	- Nhận biết khái niệm đạo hàm cấp hai của một hàm số. - Tính đạo hàm cấp hai của một số hàm số đơn giản. - Vận dụng đạo hàm cấp hai để giải quyết một số bài toán thực tiễn.
	98	Bài tập cuối chương IX	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
	99	Ôn tập cuối học kì 2	- Hệ thống kiến thức lý thuyết. - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải. - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn.
34	100	Ôn tập cuối học kì 2 (tiếp theo)	
	101, 102	Kiểm tra cuối học kì 2	Kiến thức: Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ. Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM (3 tiết)			
35	103	Một số mô hình toán học sử dụng hàm số mũ và hàm số logarit	- Vận dụng được các kiến thức toán học vào lĩnh vực Giáo dục dân số, chẳng hạn: vận dụng cấp số cộng, cấp số nhân để giải thích quy luật tăng trưởng dân số - Vận dụng hàm số mũ, hàm số lôgarit để giải thích ảnh hưởng của sự tăng trưởng dân số tới tiến bộ kinh tế – xã hội, giải thích mối liên hệ giữa sự tăng trưởng dân số với môi trường sinh thái,...

	104, 105	Hoạt động thực hành trải nghiệm hình học	- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khoá: câu lạc bộ toán học; cuộc thi về Toán, dự án học tập, ra báo tường (hoặc nội san) về Toán, như: câu lạc bộ về ứng dụng toán học trong khoa học máy tính và công nghệ thông tin,... - Tổ chức giao lưu học sinh giỏi Toán trong trường và trường bạn, giao lưu với các chuyên gia nhằm hiểu rõ hơn về vai trò của Toán học trong thực tiễn và trong các ngành nghề.
--	-------------	---	---

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP				
1	CD1- Bài 1. Phép biến hình	2	C1,C2	- Nhận biết khái niệm phép biến hình. - Nhận biết khái niệm ảnh của một điểm, của một hình qua một phép biến hình.
2	CD1- Bài 2. Phép tịnh tiến	2	C3,C4	- Nhận biết phép tịnh tiến và các tính chất của phép tịnh tiến. - Xác định ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn qua phép tịnh tiến. - Vận dụng phép tịnh tiến trong đồ họa và trong một số vấn đề thực tiễn.
3	CD1- Bài 3. Phép đối xứng trục	2	C5,C6	- Nhận biết phép đối xứng trục và các tính chất của phép đối xứng trục. - Xác định ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn qua phép đối xứng trục. - Vận dụng phép đối xứng trục trong đồ họa và trong một số vấn đề thực tiễn.
4	CD1- Bài 4. Phép quay và phép đối xứng tâm	2	C7,C8	- Nhận biết phép quay, phép đối xứng tâm và các tính chất của chúng. - Xác định ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn qua phép quay, phép đối xứng tâm.
5	CD1- Bài 5. Phép dời hình	1	C9	- Nhận biết khái niệm phép dời hình. - Vận dụng phép dời hình vào thiết kế đồ họa.
6	CD1- Bài 6. Phép vị tự	2	C10,C11	- Nhận biết phép vị tự. - Nhận biết tính chất của phép vị tự. - Xác định ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn qua phép vị tự.
7	CD1- Bài 7. Phép đồng dạng	1	C12	- Nhận biết khái niệm phép đồng dạng. - Vận dụng được phép đồng dạng trong thực tiễn.
8	Bài tập cuối chuyên đề I	2	C13,C14	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chuyên đề.

				- Hệ thống các dạng toán cơ bản của chuyên đề và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
9	CD2- Bài 8. Một vài khái niệm cơ bản	3	C15,C16, C17	Nhận biết một số khái niệm cơ bản: đồ thị, đỉnh, cạnh, đường đi, chu trình, bậc của đỉnh.
10	CD2- Bài 9. Đường đi Euler và đường đi Hamilton	3	C18,C19, C20	Nhận biết đường đi Euler và đường đi Hamilton từ đồ thị.
11	CD2- Bài 10. Bài toán tìm đường đi tối ưu trong một vài trường hợp đơn giản	3	C21,C22, C23	- Nhận biết được thuật toán về tìm đường đi tối ưu trong những trường hợp đơn giản. - Sử dụng kiến thức về đồ thị để giải quyết một số tình huống liên quan đến thực tiễn.
12	Bài tập cuối chuyên đề 2	2	C24,C25	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chuyên đề. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chuyên đề và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
13	CD3- Bài 11. Hình chiếu vuông góc và hình chiếu trục đo	4	C26,C27, C28,C29	- Nhận biết được hình biểu diễn của vật thể. - Nhận biết được hình chiếu vuông góc. - Nhận biết được hình chiếu trục đo và hình chiếu trục đo vuông góc đều.
14	CD3- Bài 13. Bản vẽ kỹ thuật	3	C30,C31, C32	- Nhận biết được nguyên tắc cơ bản trong vẽ kỹ thuật. - Đọc được thông tin từ một số bản vẽ kỹ thuật đơn giản. - Vẽ được bản vẽ kỹ thuật đơn giản.
15	Bài tập cuối chuyên đề 3	1	C33	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chuyên đề. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chuyên đề và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
16	Ôn tập và kiểm tra chuyên đề	2	C34,C35	- Hệ thống kiến thức lý thuyết. - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải. - Kiểm tra đánh giá việc lĩnh hội kiến thức và liên hệ thực tiễn của HS.

Các nhiệm vụ khác

1. Bồi dưỡng học sinh giỏi:

a) Mục đích:

- Giúp các em học sinh có điều kiện học tập, phát triển tư duy, sáng tạo, có thái độ học tập đúng đắn, tự nghiên cứu, tìm tòi, tham khảo tài liệu.
- Giúp các em có phương pháp học tập tích cực trong các bộ môn, kích thích sự phát triển thông minh, ham hiểu biết, không ỷ lại.
- Giúp cho các em có năng khiếu bộ môn có cơ hội tiếp cận những vấn đề nâng cao và sâu hơn, qua đó tạo cho các em niềm đam mê và yêu thích môn học.

- Giúp các em có cơ hội rèn luyện, phấn đấu trở thành học sinh giỏi xuất sắc phát triển toàn diện.

b) Thời gian thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm.
- Triển khai kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi trong buổi họp Hội đồng sư phạm cho mọi thành viên cùng biết và thực hiện.
- Theo dõi kết quả học tập của các em từ đó có nhiều biện pháp thích hợp để giúp giáo viên và học sinh dạy tốt và học tốt.

c) Kế hoạch học tập: Theo kế hoạch của nhà trường

d) Biện pháp thực hiện:

- Phân công giáo viên có năng lực bồi dưỡng HSG, có thể phân chia nhiều nội dung bồi dưỡng cho nhiều giáo viên khác nhau.
- Lấy danh sách HSG và đôn đốc các em để học tập tốt hơn.

2. Giúp đỡ học sinh yếu

a) Mục đích:

- Giúp học sinh yếu – kém được ôn tập củng cố những kiến thức cơ bản để có cơ sở tiếp thu bài mới được tốt hơn, nâng cao kết quả học tập.

- Nhằm từng bước khắc phục tỉ lệ HS yếu, kém giảm so với năm học trước, nâng dần chất lượng dạy và học, hoàn thành giáo dục toàn diện của trường đạt chuẩn quốc gia.

b) Thời gian thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm.
- Triển khai kế hoạch phụ đạo cho học sinh yếu, kém trong buổi họp Hội đồng sư phạm cho mọi thành viên cùng biết và thực hiện.
- Theo dõi kết quả học tập của các em từ đó có nhiều biện pháp thích hợp để giúp giáo viên và học sinh dạy tốt và học tốt.
- Tổ chức phụ đạo những kiến thức cơ bản trong nội dung chương trình sách giáo khoa, đảm bảo chuẩn kiến thức – kỹ năng theo chủ đề

bám sát để giúp học sinh nắm được kiến thức chắc chắn.

c) Kế hoạch học tập:

- Lập danh sách học sinh học yếu
- Giáo viên dạy lớp mình có kế hoạch bồi dưỡng riêng cho các em học tập yếu và báo cáo với nhà trường hoặc thực hiện theo kế hoạch của nhà trường.

d) Biện pháp thực hiện:

- Truyền đạt kiến thức cho học sinh đồng thời dạy đủ các đối tượng học sinh yếu - kém. Kiểm tra hướng dẫn thường xuyên.
- GVCN tìm hiểu hoàn cảnh của học sinh yếu-kém; liên hệ thường xuyên với phụ huynh để tìm biện pháp giải quyết. Nhiệt tình thể hiện tinh thần trách nhiệm cao hơn đối với học sinh.
- Hướng dẫn các em cách học và chuẩn bị bài ở nhà cho ngày hôm sau.
- Tổ chức các hình thức dạy học trên lớp phong phú hơn để thu hút học sinh chú ý vào bài học.
- Đôn đốc học sinh đi đều và đi đủ, cho 1 học sinh khá, giỏi kèm cặp học sinh yếu kém.
- Khi dạy sử dụng triệt để đồ dùng dạy học, liên hệ thực tế sinh động; giúp học sinh dễ nhớ bài.
- Qua khảo sát chất lượng đầu năm giáo viên bộ môn chọn ra những học sinh yếu kém và lên kế hoạch phụ đạo kịp thời
- Dạy theo thời khóa biểu quy định mỗi tuần 2 tiết ngoài thời khóa biểu chính khóa.
- Sau 4 tuần giáo viên cho học sinh làm bài kiểm tra để xóa kém và chọn những học sinh khác tiếp tục nâng kém đợt II (nếu có).
- Mỗi tiết dạy giáo viên ôn lại kiến thức mà học sinh bị hỏng sau đó cho bài tập áp dụng rèn kỹ năng.

PPCT CHUYÊN ĐỀ TOÁN LỚP 11**SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG
NĂM HỌC 2025-2026****Chuyên đề: 35 tiết****TẬP 1 (HỌC KỲ I) 18 TUẦN**

	Tuần	Sách GK + Ôn, KT	Chuyên đề	Cộng
	1-18	18 X 3 = 54	18 X 1=18	72 tiết
TUẦN	TIẾT THỨ	BÀI DẠY		GHI CHÚ
1	1	CĐ1 - Bài 1: Phép biến hình		T1/1
2	2	CĐ1 – Bài 2: Phép tịnh tiến		T1/2
3	3	CĐ1 – Bài 2: Phép tịnh tiến (tiếp theo)		T2/2
4	4	CĐ1- Bài 3: Phép đối xứng trục		T1/2
5	5	CĐ1- Bài 3: Phép đối xứng trục (tt)		T2/2
6	6	CĐ1- Bài 4: Phép quay và phép đối xứng tâm		T1/4
7	7	CĐ1- Bài 4: Phép quay và phép đối xứng tâm		T2/4
8	8	CĐ1- Bài 4: Phép quay và phép đối xứng tâm		T3/4
9	9	CĐ1- Bài 4: Phép quay và phép đối xứng tâm		T4/4
10	10	CĐ1- Bài 5: Phép dời hình		T1/2
11	11	CĐ1- Bài 5: Phép dời hình		T2/2
12	12	CĐ1- Bài 6: Phép vị tự		T1/2
13	13	CĐ1- Bài 6: Phép vị tự		T2/2
14	14	CĐ1- Bài 7: Phép đồng dạng		T1/2
15	15	CĐ1- Bài 7: Phép đồng dạng		T2/2
16	16	CĐ1- Bài tập cuối chuyên đề 1		T1/3
17	17	CĐ1- Bài tập cuối chuyên đề 1 (tiếp theo)		T2/3
18	18	CĐ1- Bài tập cuối chuyên đề 1 (tiếp theo)		T3/3
TẬP 2 (HỌC KỲ II) 17 tuần				
	Tuần	Sách GK + Ôn, KT	Chuyên đề	Cộng
	1-17	17 X 3 = 51	17 X 1 = 17	68 tiết
19	19	CĐ2- Bài 8: Một số khái niệm cơ bản		T1/2
20	20	CĐ2- Bài 8: Một số khái niệm cơ bản (tiếp theo)		T2/2

21	21	CĐ2- Bài 9: Đường đi Euler và đường đi Hamilton	T1/2
22	22	CĐ2- Bài 9: Đường đi Euler và đường đi Hamilton (tt)	T2/2
23	23	CĐ2- Bài 10: Bài toán tìm đường đi tối ưu trong một vài trường hợp đơn giản	T1/2
24	24	CĐ2- Bài 10: Bài toán tìm đường đi tối ưu trong một vài trường hợp đơn giản (tiếp theo)	T2/2
25	25	CĐ2- Bài tập cuối chuyên đề 2	T1/3
26	26	CĐ2- Bài tập cuối chuyên đề 2 (tiếp theo)	T2/3
27	27	CĐ2- Bài tập cuối chuyên đề 2 (tiếp theo)	T3/3
28	28	CĐ3- Bài 11: Hình chiếu vuông góc và hình chiếu trục đo	T1/2
29	29	CĐ3- Bài 11: Hình chiếu vuông góc và hình chiếu trục đo (tiếp theo)	T2/2
30	30	CĐ3- Bài 12: Bản vẽ kỹ thuật	T1/3
31	31	CĐ3- Bài 12: Bản vẽ kỹ thuật (tiếp theo)	T2/3
32	32	CĐ3- Bài 12: Bản vẽ kỹ thuật (tiếp theo)	T3/3
33	33	CĐ3- Bài tập cuối chuyên đề 3	T1/3
34	34	CĐ3- Bài tập cuối chuyên đề 3	T2/3
35	35	CĐ3- Bài tập cuối chuyên đề 3	T3/3

KHỐI 12 - KẾT NỐI TRI THỨC VÀ CUỘC SỐNG (Năm học 2025 - 2026)

I. Đặc điểm tình hình:

1. Số lớp: 10

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 9; Trình độ đào tạo: Đại học: 9; Sau Đại học: 0 ;

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ¹: Tốt:....9.... ; Khá:.....; Đạt:.....;

3. Thiết bị dạy học:

THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU LỚP 12 - MÔN TOÁN

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Các bài thí nghiệm/thực hành
1	Bộ thiết bị vẽ bảng dạy học.	01 bộ/GV	- Thước thẳng dài 500mm, có đơn vị đo là Inch và cm. - Ê ke vuông, kích thước (400 x 400)mm. - 03 chiếc compa dài 400mm với đầu được thiết kế thuận lợi khi vẽ trên bảng bằng phấn, bút dạ, một đầu thuận lợi cho việc cố định trên mặt bảng.	Tất cả các tiết dạy.
2	Máy vi tính/phần mềm toán học	01 bộ/GV	- Phần mềm toán học đảm bảo vẽ đồ thị của hàm số bậc hai; đồ thị hàm số lượng giác; đồ thị hàm số lũy thừa, hàm số mũ, hàm số lôgarit	

			và tìm hiểu đặc điểm của chúng; minh họa sự tương giao của các đồ thị; thực hiện các phép biến đổi đồ thị; tạo mô hình thao tác động mô tả giới hạn, mô tả hàm số liên tục; tạo mô hình mô tả đạo hàm, ý nghĩa hình học của tiếp tuyến; tạo hoa văn, hình khối, tính toán trong đại số và giải tích; tạo mô hình khối tròn xoay trong một số bài toán ứng dụng tích phân xác định; - Phần mềm toán học đảm bảo biểu thị được điểm, vectơ, các phép toán vectơ trong hệ trục tọa độ Oxy; vẽ đường thẳng, đường tròn, các đường conic trên mặt phẳng tọa độ; tạo được sự thay đổi hình dạng của các hình khi thay đổi các yếu tố trong phương trình xác định chúng; thiết kế đồ họa liên quan đến đường tròn và các đường conic; vẽ đường thẳng, mặt phẳng, giao điểm, giao tuyến, tạo hình trong không gian, xác định hình biểu diễn; tạo mô hình khối tròn xoay trong một số bài toán ứng dụng tích phân xác định; vẽ đường thẳng, mặt phẳng, mặt cầu trong hệ trục tọa độ $Oxyz$; xem xét sự thay đổi hình dạng khi thay đổi các yếu tố trong phương trình của chúng; - Phần mềm toán học đảm bảo hỗ trợ HS thực hành tính số đặc trưng đo xu thế trung tâm và đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm, ghép nhóm; tính xác suất; tính phân bố nhị thức, tính toán thống kê; - Phải sử dụng phần mềm không vi phạm bản quyền.	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng máy tính	01	Sử dụng để giảng dạy: Phần mềm toán học hỗ trợ học sinh khám phá, hình thành, thực hành, luyện tập các kiến thức hình học; các kiến thức thống kê và xác suất. Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra	

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình chi tiết

Học kì 1	18 Tuần x 3 tiết = 54 tiết	Chuyên đề	Hoạt động trải nghiệm 05 tiết
----------	----------------------------	-----------	-------------------------------

		18 x 1= 18 tiết	
Học kì 2	17 Tuần x 3 tiết = 51 tiết	Chuyên đề 17 x 1=17 tiết	Hoạt động trải nghiệm 02 tiết

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH TOÁN LỚP 12
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG - NĂM HỌC 2025 - 2026

TUẦN	TIẾT PPCT	BÀI DẠY	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
TẬP 1 (HỌC KỲ I) 18 TUẦN				
CHƯƠNG I: ỨNG DỤNG ĐẠO HÀM ĐỂ KHẢO SÁT VÀ VẼ ĐỒ THỊ HÀM SỐ (24 tiết)				
1	1,2,3	Bài 1: Tính đơn điệu và cực trị của hàm số	-Nhận biết được khái niệm tính đồng biến, nghịch biến của hàm số và mối liên hệ giữa tính đơn điệu và dấu của đạo hàm. -HS thể hiện được tính đồng biến, nghịch biến của hàm số trong bảng biến thiên. -Nhận biết được điểm cực trị, giá trị cực trị của hàm số thông qua bảng biến thiên hoặc thông qua hình ảnh hình học của đồ thị hàm số.	(T1,2,3/6)
	1	CD1 - Bài 1: Biến ngẫu nhiên rời rạc và các số đặc trưng	– Nhận biết khái niệm biến ngẫu nhiên rời rạc. – Biết lập bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc.	T1/5
2	4,5,6	Bài 1: Tính đơn điệu và cực trị của hàm số	-HS biết cách tìm cực trị của hàm số. -Nhận biết tính đồng biến, nghịch biến của hàm số dựa vào dấu của đạo hàm cấp 1 và củng cố lại cách xét tính đơn điệu của hàm số. -Nhắc lại cách tìm được điểm cực trị, giá trị cực trị của hàm số thông qua bảng biến thiên hoặc thông qua hình ảnh hình học của đồ thị hàm số và cách tìm cực trị hàm số.	(T4,5,6/6)
	2	CD1 - Bài 1: Biến ngẫu nhiên rời rạc và các số đặc trưng	– Nhận biết khái niệm biến ngẫu nhiên rời rạc. – Biết lập bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc.	T2/5
3	7,8,9	Bài 2: GTLN-GTNN của hàm số	-Nhận biết được khái niệm GTLN, GTNN của hàm số. -Tìm GTLN, GTNN của hàm số.	(T1,2,3/3)

			-Xác định GTLN và GTNN của hàm số trên một đoạn. -Củng cố lại khái niệm và các bước tìm GTLN, GTNN của hàm số.	
	3	CD1 - Bài 1: Biến ngẫu nhiên rời rạc và các số đặc trưng	– Biết tính kì vọng, phương sai và độ lệch chuẩn của biến ngẫu nhiên rời rạc và giải thích ý nghĩa.	T3/5
4	10,11,12	Bài 3: Đường tiệm cận của đồ thị hàm số	-Hình thành khái niệm và tìm được đường tiệm cận ngang của đồ thị hàm số. -HS nhận biết được khái niệm đường tiệm cận đứng của đồ thị hàm số. -Nhận biết được khái niệm, hình ảnh hình học của đường tiệm cận xiên của đồ thị hàm số.	(T1,2,3/4)
	4	CD1 - Bài 1: Biến ngẫu nhiên rời rạc và các số đặc trưng	– Biết tính kì vọng, phương sai và độ lệch chuẩn của biến ngẫu nhiên rời rạc và giải thích ý nghĩa.	T4/5
	13	Bài 3: Đường tiệm cận của đồ thị hàm số	-Nhớ lại khái niệm các đường tiệm cận của đồ thị hàm số. -HS thấy được ý nghĩa của các đường tiệm cận của đồ thị hàm số trong các bài toán thực tế.	(T4/4)
5	14,15	Bài 4: Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị của hàm số	- Mô tả sơ đồ tổng quát để khảo sát hàm số (tìm tập xác định, xét chiều biến thiên, tìm cực trị, tìm tiệm cận, lập bảng biến thiên, vẽ đồ thị). - Khảo sát tập xác định, chiều biến thiên, cực trị, tiệm cận, bảng biến thiên và vẽ đồ thị của các hàm số: hàm bậc ba, hàm phân thức hữu tỉ đơn giản.	(T1,2/5)
	5	CD1 - Bài 1: Biến ngẫu nhiên rời rạc và các số đặc trưng	-Nhắc lại kiến thức về biến ngẫu nhiên rời rạc; bảng phân phối xác suất và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên rời rạc.	T5/5
6	16,17,18	Bài 4: Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị của hàm số	-Khảo sát hàm số phân thức hữu tỉ bậc nhất/bậc nhất. -Khảo sát và vẽ đồ thị hàm số phân thức hữu tỉ bậc hai/bậc nhất. -Củng cố lại sơ đồ khảo sát hàm số, ôn tập lại các bước khảo sát hàm số và một số dạng đồ thị hàm số thường gặp.	(T3,4,5/5)
	6	CD1 - Bài 2: Biến ngẫu nhiên có phân bố nhị thức và áp dụng	– Nhận biết khái niệm phép thử lặp. – Nhận biết công thức Bernoulli.	T1/5

			– Vận dụng công thức Bernoulli trong một số tình huống đơn giản.	
7	19,20,21	Bài 5: Ứng dụng đạo hàm để giải quyết một số vấn đề liên quan đến thực tiễn	- Vận dụng đạo hàm và khảo sát hàm số để giải quyết một số vấn đề liên quan đến thực tiễn như tính tốc độ tức thời của một đại lượng, giải một số bài toán tối ưu hoá đơn giản trong thực tế. -Vận dụng được đạo hàm để giải bài toán liên quan tới tốc độ thay đổi của một đại lượng. -Nắm được quy trình giải một bài toán tối ưu hoá.	(T1,2,3/4)
	7	CD1 - Bài 2: Biến ngẫu nhiên có phân bố nhị thức và áp dụng	– Nhận biết khái niệm phép thử lặp. – Nhận biết công thức Bernoulli. – Vận dụng công thức Bernoulli trong một số tình huống đơn giản.	T2/5
8	22	Bài 5: Ứng dụng đạo hàm để giải quyết một số vấn đề liên quan đến thực tiễn	-Biết cách giải một bài toán tối ưu hoá liên quan tới kinh tế.	(T4/4)
	23,24	Bài tập cuối chương 1.	- Rèn luyện kĩ năng xác định chiều biến thiên, tìm được cực trị của hàm số, tìm được giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số trên một đoạn, tìm được đường tiệm cận của đồ thị hàm số. - Vận dụng đạo hàm và khảo sát hàm số để giải quyết một số vấn đề liên quan đến thực tiễn như tính tốc độ tức thời của một đại lượng, giải một số bài toán tối ưu hoá đơn giản trong thực tế.	(T1,2/2)
	8	CD1 - Bài 2: Biến ngẫu nhiên có phân bố nhị thức và áp dụng	– Nhận biết khái niệm biến ngẫu nhiên có phân bố nhị thức với tham số (n,p). – Vận dụng phân bố nhị thức để giải quyết một số bài toán có nội dung thực tiễn.	T3/5
9	25	Ôn tập giữa học kỳ 1.	-Hệ thống kiến thức lý thuyết. -Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải (chú ý các lưu ý cần thiết khi giải toán). -Kiểm tra đánh giá việc lĩnh hội kiến thức và liên hệ thực tiễn của HS.	(T1/1)
	9	CD1 - Bài 2: Biến ngẫu nhiên có phân bố nhị thức và áp dụng	– Nhận biết khái niệm biến ngẫu nhiên có phân bố nhị	T4/5

			thức với tham số (n,p) . – Vận dụng phân bố nhị thức để giải quyết một số bài toán có nội dung thực tiễn.	
	26,27	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1	Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán và sử dụng ngôn ngữ. Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.	(T1,2/2)
CHƯƠNG II: VECTƠ VÀ HỆ TRỤC TỌA ĐỘ TRONG KHÔNG GIAN (14 tiết)				
10	28,29,30	Bài 6: Vectơ trong không gian	- Nhận biết được vectơ trong không gian: hai vectơ cùng phương, hai vectơ cùng hướng/ngược hướng, hai vectơ bằng nhau. - Nhận biết và thực hiện được các phép toán vectơ trong không gian. -Khái niệm tổng của hai vectơ trong không gian, thiết lập được quy tắc hình hộp. -Nhận biết được hai vectơ đối nhau trong không gian, hiệu của hai vectơ và các tính chất của phép trừ hai vectơ.	(T1,2,3/6)
	10	CD1 - Bài 2: Biến ngẫu nhiên có phân bố nhị thức và áp dụng	Củng cố khái niệm biến ngẫu nhiên có phân bố nhị thức, biến ngẫu nhiên có phân bố Bernoulli và các tính chất liên quan.	T5/5
11	31,32,33	Bài 6: Vectơ trong không gian	-Khái niệm tích của một số với một vectơ trong không gian. -Sử dụng các tính chất của phép nhân một số với một vectơ. -Khái niệm góc giữa hai vectơ trong không gian. -Khái niệm tích vô hướng của hai vectơ trong không gian. -Vận dụng được tích vô hướng của hai vectơ trong không gian trong một số tình huống thực tiễn.	(T4,5,6/6)
	11	Bài tập cuối chuyên đề 1	– Ôn tập kĩ năng vận dụng các kiến thức về biến ngẫu nhiên rời rạc, các số đặc trưng để giải quyết các bài	T1/2

			toán thực tế. – Ôn tập kĩ năng vận dụng các kiến thức về công thức Bernoulli, biến ngẫu nhiên có phân bố nhị thức, biến ngẫu nhiên có phân bố Bernoulli để giải quyết các bài toán trong thực tế.	
12	34,35,36	Bài 7: Hệ trục tọa độ trong không gian	- Nhận biết tọa độ của điểm, của vector đối với hệ trục tọa độ. - Vận dụng tọa độ của vector để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn. - Định nghĩa hệ trục tọa độ trong không gian và một số khái niệm liên quan, khái niệm tọa độ của một điểm trong không gian. - Xác định vector bằng vector cho trước.	(T1,2,3/3)
	12	Bài tập cuối chuyên đề 1	– Ôn tập kĩ năng vận dụng các kiến thức về biến ngẫu nhiên rời rạc, các số đặc trưng để giải quyết các bài toán thực tế. – Ôn tập kĩ năng vận dụng các kiến thức về công thức Bernoulli, biến ngẫu nhiên có phân bố nhị thức, biến ngẫu nhiên có phân bố Bernoulli để giải quyết các bài toán trong thực tế.	T2/2
13	37,38,39	Bài 8: Biểu thức tọa độ của các phép toán vector	- Nhận biết được biểu thức tọa độ của các phép toán vector trong không gian, thể hiện được các phép toán vector theo tọa độ. - Xác định được độ dài của vector khi biết tọa độ của hai đầu mút. - Vận dụng được biểu thức tọa độ của các phép toán vector để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn. - Nhận biết được các biểu thức tọa độ của phép cộng, phép trừ hai vector, phép nhân vector với một số. - Nhận biết được biểu thức tọa độ của tích vô hướng của hai vector. - Sử dụng được biểu thức tọa độ của tích vô hướng trong không gian để giải tam giác.	(T1,2,3/3)
	13	CD2 - Bài 3: Vận dụng hệ bất phương	– Phát biểu được bài toán quy hoạch tuyến tính hai	T1/5

		trình bậc nhất để giải quyết một số bài toán quy hoạch tuyến tính.	biến. Nhận biết được các khái niệm liên quan đến bài toán quy hoạch tuyến tính và các bước giải bài toán quy hoạch tuyến tính. – Vận dụng các kiến thức về hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn để giải quyết một số bài toán quy hoạch tuyến tính.	
14	40,41	Bài tập cuối chương 2	- Hệ thống lại kiến thức về hệ tọa độ trong không gian, tọa độ điểm và vectơ trong không gian. - Ôn tập lại các phép toán vectơ trong không gian. - Vận dụng được biểu thức tọa độ của các phép toán vectơ để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn.	(T1,2/2)
CHƯƠNG III: CÁC SỐ ĐẶC TRƯNG ĐO ĐỘ PHÂN TÁN CỦA MẪU SỐ LIỆU GHÉP NHÓM (4 tiết)				
14	42	Bài 9: Khoảng biến thiên và khoảng tứ phân vị	- Tính được khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị của mẫu số liệu ghép nhóm. - Hiểu ý nghĩa, vai trò của khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị trong việc đo mức độ phân tán. <i>- Vận dụng được công thức tính khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị để đo mức độ phân tán của mẫu số liệu ghép nhóm trong thực tế.</i>	(T1/1)
	14	CD2 - Bài 3: Vận dụng hệ bất phương trình bậc nhất để giải quyết một số bài toán quy hoạch tuyến tính.	– Phát biểu được bài toán quy hoạch tuyến tính hai biến. Nhận biết được các khái niệm liên quan đến bài toán quy hoạch tuyến tính và các bước giải bài toán quy hoạch tuyến tính. – Vận dụng các kiến thức về hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn để giải quyết một số bài toán quy hoạch tuyến tính.	T2/5
15	43,44	Bài 10: Phương sai và độ lệch chuẩn.	- Tính được phương sai, độ lệch chuẩn của mẫu số liệu ghép nhóm. - Hiểu ý nghĩa, vai trò của phương sai, độ lệch chuẩn trong việc đo mức độ phân tán của mẫu số liệu ghép nhóm và áp dụng vào các bài toán thực tế. - Vận dụng được công thức tính các số đặc trưng phương sai, độ lệch chuẩn của mẫu số liệu ghép nhóm	(T1,2/2)

			vào tình huống thực tế.	
	45	Bài tập cuối chương III	- Ôn tập về các số đặc trưng đo độ phân tán của mẫu số liệu ghép nhóm bao gồm khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị, phương sai và độ lệch chuẩn. - Hiểu ý nghĩa, vai trò của khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị, phương sai và độ lệch chuẩn trong việc đo mức độ phân tán.	(T1/1)
	15	CD2 - Bài 3: Vận dụng hệ bất phương trình bậc nhất để giải quyết một số bài toán quy hoạch tuyến tính.	- Nắm được cách giải bài toán quy hoạch tuyến tính trong trường hợp miền chấp nhận được không là miền đa giác. -Kĩ năng giải bài toán quy hoạch tuyến tính hai biến trong trường hợp miền chấp nhận được là miền đa giác.	T3/5
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM (5 tiết)				
16	46,47	Khảo sát và vẽ đồ thị hàm số với phần mềm GeoGebra	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để khảo sát và vẽ đồ thị hàm số, đặc biệt đối với những hàm số phức tạp. -Nhận biết được các câu lệnh trên GeoGebra để khảo sát hàm số. -Sử dụng phần mềm GeoGebra để tìm đạo hàm, cực trị, GTLN, GTNN, các đường tiệm cận của hàm số.	(T1,2/2)
	48	Vẽ vectơ tổng của ba vectơ trong không gian bằng phần mềm GeoGebra	-Sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ vectơ tổng của ba vectơ cho trước. -Vận dụng quy trình vẽ vectơ tổng của ba vectơ cho trước để kiểm tra một số tính chất của vectơ trong không gian.	(T1/1)
	16	CD2 - Bài 3: Vận dụng hệ bất phương trình bậc nhất để giải quyết một số bài toán quy hoạch tuyến tính.	- Nắm được cách giải bài toán quy hoạch tuyến tính trong trường hợp miền chấp nhận được không là miền đa giác. -Kĩ năng giải bài toán quy hoạch tuyến tính hai biến trong trường hợp miền chấp nhận được là miền đa giác.	T4/5
17	49,50	Độ dài gang tay (gang tay của bạn dài bao nhiêu?)	- Thực hiện thu thập và phân tích dữ liệu để so sánh độ dài gang tay của hai nhóm HS nam và HS nữ trong lớp	(T1,2,2)

			học. -Thực hành thu thập dữ liệu để tóm tắt và phân tích dữ liệu thu được. -Sử dụng được bảng tính Excel để phân tích dữ liệu. -Sử dụng các câu lệnh trong phần mềm bảng tính Excel để phân tích dữ liệu vừa thu thập được.	
	51	Ôn tập cuối học kỳ I	- Hệ thống kiến thức lý thuyết. - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải. - Kiểm tra đánh giá việc lĩnh hội kiến thức và liên hệ thực tiễn của HS.	(T1/2)
	17	CD2 - Bài 3: Vận dụng hệ bất phương trình bậc nhất để giải quyết một số bài toán quy hoạch tuyến tính.	- Nắm được cách giải bài toán quy hoạch tuyến tính trong trường hợp miền chấp nhận được không là miền đa giác. -Kĩ năng giải bài toán quy hoạch tuyến tính hai biến trong trường hợp miền chấp nhận được là miền đa giác; không là miền đa giác.	T5/5
18	52	Ôn tập cuối học kỳ I (tiếp theo)	-Hệ thống kiến thức lý thuyết. -Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải (chú ý các lưu ý cần thiết khi giải toán). -Kiểm tra đánh giá việc lĩnh hội kiến thức và liên hệ thực tiễn của HS.	(T2/2)
	18	CD2 - Bài 4: Vận dụng đạo hàm để giải quyết một số bài toán tối ưu.	– Vận dụng được các kiến thức về đạo hàm để giải quyết một số bài toán tối ưu xuất hiện trong thực tiễn.	T1/5
	53,54	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1	Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán và sử dụng ngôn ngữ. Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.	(T1,2,2)

TUẦN	TIẾT PPCT	BÀI DẠY	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
TẬP 2 (HỌC KỲ II) 17 tuần				
CHƯƠNG IV: NGUYÊN HÀM VÀ TÍCH PHÂN (15 tiết)				
19	55,56,57	Bài 11: Nguyên hàm	- Nhận biết khái niệm nguyên hàm của một hàm số, giải thích một số tính chất của nguyên hàm.	(T1,2,3/5)

			- Tìm nguyên hàm của một số hàm số sơ cấp thường gặp. - Vận dụng khái niệm nguyên hàm vào giải quyết một số bài toán từ thực tiễn.	
	19	CD2 - Bài 4: Vận dụng đạo hàm để giải quyết một số bài toán tối ưu.	– Vận dụng được các kiến thức về đạo hàm để giải quyết một số bài toán tối ưu xuất hiện trong thực tiễn.	T2/5
20	58,59	Bài 11: Nguyên hàm	-Nắm được các công thức tính nguyên hàm của hàm số lũy thừa. -Nắm được công thức tính nguyên hàm của hàm số lượng giác và hàm số mũ.	(T4,5/5)
	60	Bài 12: Tích phân	- Nhận biết định nghĩa và các tính chất của tích phân. - Tính tích phân trong những trường hợp đơn giản. - Vận dụng tích phân để giải quyết một số bài toán liên quan đến thực tiễn.	(T1/4)
	20	CD2 - Bài 4: Vận dụng đạo hàm để giải quyết một số bài toán tối ưu.	– Vận dụng được các kiến thức về đạo hàm để giải quyết một số bài toán tối ưu trong kinh tế.	T3/5
21	61,62,63	Bài 12: Tích phân	-Biết cách tính diện tích hình thang cong. -Nhận biết các tính chất của tích phân. -Vận dụng kiến thức về tích phân để giải quyết bài toán thực tiễn.	(T2,3,4/4)
	21	CD2 - Bài 4: Vận dụng đạo hàm để giải quyết một số bài toán tối ưu.	– Vận dụng được các kiến thức về đạo hàm để giải quyết một số bài toán tối ưu trong kinh tế.	T4/5
22	64,65,66	Bài 13: Ứng dụng hình học của tích phân	- Sử dụng tích phân để tính diện tích của một số hình phẳng. - Sử dụng tích phân để tính thể tích của một số hình khối. -Nhận biết được công thức tính diện tích hình phẳng giới hạn bởi một đồ thị hàm số, trục hoành và hai đường thẳng $x=a$, $x=b$. -Tính diện tích hình phẳng giới hạn bởi một đồ thị hàm số và trục hoành. -Vận dụng được công thức tính diện tích hình phẳng giới hạn bởi hai đồ thị hàm số và hai đường thẳng	(T1,2,3/4)

			$x = a, x = b$. - Tính diện tích hình phẳng giới hạn bởi hai đồ thị hàm số.	
	22	CD2 - Bài 4: Vận dụng đạo hàm để giải quyết một số bài toán tối ưu.	- Vận dụng đạo hàm để giải quyết một số bài toán trong thực tiễn và kinh tế.	T5/5
23	67	Bài 13: Ứng dụng hình học của tích phân	- Vận dụng được công thức tính thể tích vật thể. - Vận dụng được công thức tính thể tích của khối tròn xoay.	(T4/4)
	68,69	Bài tập cuối chương 4	- Hệ thống kiến thức chương IV và các vấn đề cơ bản trong chương gồm nguyên hàm, tích phân và các ứng dụng của tích phân trong tính diện tích hình phẳng, thể tích vật thể và thể tích khối tròn xoay. - Ôn tập cách tìm nguyên hàm của một số hàm sơ cấp, tính tích phân trong những trường hợp đơn giản và tính diện tích của một số hình phẳng, thể tích của một số vật thể. - Vận dụng được khái niệm nguyên hàm, tích phân vào giải quyết một số bài toán từ thực tiễn.	(T1,2/2)
	23	Bài tập cuối chuyên đề 2	– Ôn tập kĩ năng vận dụng các kiến thức về hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn để giải quyết một số bài toán quy hoạch tuyến tính trong thực tiễn. – Ôn tập kĩ năng vận dụng các kiến thức về đạo hàm để giải quyết một số bài toán tối ưu xuất hiện trong thực tiễn và trong kinh tế.	(T1/2)
CHƯƠNG V: PHƯƠNG PHÁP TỌA ĐỘ TRONG KHÔNG GIAN (18 tiết)				
24	70,71,72	Bài 14: Phương trình mặt phẳng	- Nhận biết phương trình mặt phẳng. - Viết phương trình mặt phẳng trong các trường hợp: qua một điểm và biết vectơ pháp tuyến, qua một điểm và biết cặp vectơ chỉ phương, qua ba điểm không thẳng hàng. - Nhận biết hai mặt phẳng song song, hai mặt phẳng vuông góc. - Tính khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng. - Vận dụng kiến thức về phương trình mặt phẳng, công	(T1,2,3/6)

			thức tính khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng vào một số bài toán liên quan đến thực tiễn.	
	24	Bài tập cuối chuyên đề 2	– Ôn tập kĩ năng vận dụng các kiến thức về hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn để giải quyết một số bài toán quy hoạch tuyến tính trong thực tiễn. – Ôn tập kĩ năng vận dụng các kiến thức về đạo hàm để giải quyết một số bài toán tối ưu xuất hiện trong thực tiễn và trong kinh tế.	T1/3
25	73,74,75	Bài 14: Phương trình mặt phẳng	-Nắm được điều kiện để hai mặt phẳng vuông góc. Viết phương trình mặt phẳng, sử dụng điều kiện để hai mặt phẳng vuông góc. -Nắm được điều kiện để hai mặt phẳng song song. Viết phương trình mặt phẳng, sử dụng điều kiện để hai mặt phẳng song song với nhau. -Nắm được công thức tính khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng để giải quyết các tình huống trong thực tế.	(T4,5,6/6)
	25	CD3- Bài 5: Tiền tệ - lãi suất.	– Nhận biết một số vấn đề về tiền tệ. –Hiểu được khái niệm, chức năng, tính chất của tiền tệ và nguyên tắc tổng tiền bằng. –Các khái niệm quan trọng: tiền vốn, lãi suất, tiền lãi và những lưu ý quan trọng đối với một khoản vay. – Nhận biết một số vấn đề về lãi suất của các tổ chức tín dụng. – Tính lãi suất được hưởng qua tiền tiết kiệm và các giá trị thực chất có tính đến lạm phát.	T2/3
26	76,77	Ôn tập giữa học kỳ 2	-Hệ thống kiến thức lý thuyết. -Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải (chú ý các lưu ý cần thiết khi giải toán). -Kiểm tra đánh giá việc lĩnh hội kiến thức và liên hệ thực tiễn của HS.	1/1
	26	CD3- Bài 5: Tiền tệ - lãi suất.	– Ôn tập kĩ năng vận dụng các kiến thức về hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn để giải quyết một số bài	T2/2

			toán quy hoạch tuyến tính trong thực tiễn. – Ôn tập kĩ năng vận dụng các kiến thức về đạo hàm để giải quyết một số bài toán tối ưu xuất hiện trong thực tiễn và trong kinh tế.	
	78	Kiểm tra giữa học kỳ 2	Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán và sử dụng ngôn ngữ. Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.	
27	79,80,81	Bài 15: Phương trình đường thẳng trong không gian	- Nhận biết được các phương trình tham số, chính tắc của đường thẳng. - Viết phương trình đường thẳng đi qua một điểm và biết vector chỉ phương. - Viết phương trình đường thẳng đi qua hai điểm.	(T1,2,3/5)
	27	CD3- Bài 5: Tiền tệ - lãi suất.	– Các khái niệm lạm phát và tỉ lệ lạm phát. – Xây dựng công thức tính lãi suất thực và công thức tính sức mua theo tỉ lệ lạm phát. – Áp dụng công thức tính sức mua theo tỉ lệ lạm phát và công thức tính lãi suất thực, thu nhập thực tế.	T3/3
28	82,83	Bài 15: Phương trình đường thẳng trong không gian	- Nhận biết vị trí tương đối của hai đường thẳng. - Vận dụng kiến thức về phương trình đường thẳng, vị trí tương đối giữa hai đường thẳng vào một số bài toán liên quan đến thực tiễn.	(T4,5/5)
	84	Bài 16: Công thức tính góc trong không gian	- Tính góc giữa hai đường thẳng, góc giữa đường thẳng và mặt phẳng, góc giữa hai mặt phẳng.	(T1/2)
	28	CD3- Bài 6: Tín dụng – Vay nợ.	– Thẽ tín dụng, chức năng của thẻ tín dụng và cách tính phí sử dụng thẻ. – Tính lãi suất được hưởng hoặc lãi suất cần trả cho thẻ tín dụng, phí sử dụng thẻ (bao gồm các giao dịch).	T1/3
29	85	Bài 16: Công thức tính góc trong không gian	- Vận dụng được kiến thức về góc vào một số bài toán liên quan đến thực tiễn.	(T2/2)
	86,87	Bài 17: Phương trình mặt cầu.	- Nhận biết phương trình mặt cầu. - Xác định tâm, bán kính mặt cầu khi biết phương	(T1,2/3)

			trình. - Lập phương trình mặt cầu khi biết tâm và bán kính. - Vận dụng kiến thức về phương trình mặt cầu để giải quyết được một số bài toán liên quan đến thực tiễn.	
	29	CD3- Bài 6: Tín dụng – Vay nợ.	– Nhận biết được kết quả của việc trả các khoản nợ đúng thời hạn, bao gồm hồ sơ tín dụng và giá trị tín dụng. – Áp dụng công thức tính lãi đơn và lãi kép để tính số tiền phải trả của một khoản vay với hình thức tương ứng.	T2/3
30	88	Bài 17: Phương trình mặt cầu.	- Vận dụng kiến thức về phương trình mặt cầu để giải quyết được một số bài toán liên quan đến thực tiễn.	(T3/3)
	89,90	Bài tập cuối chương 5.	- Ôn tập lại toàn bộ kiến thức, kĩ năng của chương V liên quan đến phương trình đường thẳng, phương trình mặt phẳng, phương trình mặt cầu, các công thức tính góc. - Ôn tập lại cách viết phương trình mặt phẳng, đường thẳng, mặt cầu; nhận biết vị trí tương đối giữa hai mặt phẳng, hai đường thẳng, giữa đường thẳng và mặt phẳng; tính khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng, giữa hai mặt phẳng song song. - Vận dụng được các kiến thức về phương trình mặt phẳng, phương trình đường thẳng, phương trình mặt cầu, các công thức tính khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng, các công thức tính góc, vị trí tương đối giữa hai đường thẳng, giữa đường thẳng và mặt phẳng, giữa hai mặt phẳng vào một số bài toán liên quan đến thực tiễn.	(T1,2/2)
	30	CD3- Bài 6: Tín dụng – Vay nợ.	– Khái niệm vay trả góp và công thức tính khoản thanh toán trả góp. – Vận dụng kiến thức toán học trong việc giải quyết một số vấn đề vay nợ của các tổ chức tín dụng.	T3/3
	CHƯƠNG VI: XÁC SUẤT CÓ ĐIỀU KIỆN (9 tiết)			
31	91,92,93	Bài 18: Xác suất có điều kiện	- Nhận biết khái niệm xác suất có điều kiện. - Nhận biết mối liên hệ giữa xác suất có điều kiện và	(T1,2,3/4)

			xác suất. - Vận dụng công thức nhân xác suất cho hai biến cố bất kì.	
	31	CD3- Bài 7: Đầu tư tài chính. Lập kế hoạch tài chính cá nhân	–Khái niệm về đầu tư và các kênh đầu tư phổ biến. –Công thức xác định lãi suất, thời gian và giá trị hiện tại của một khoản đầu tư. –Quy đổi lãi suất đang hưởng về lãi suất đơn năm để so sánh các khoản đầu tư, tính thời gian cần thiết để từ số tiền ban đầu đạt số tiền mong muốn và tính giá trị hiện tại của một khoản tiền.	T1/3
32	94	Bài 18: Xác suất có điều kiện	- Giải thích ý nghĩa của xác suất có điều kiện trong một số tình huống thực tế. -Vận dụng công thức tính xác suất có điều kiện, công thức nhân xác suất vào bài toán thực tế.	(T4/4)
	95,96	Bài 19: Công thức xác suất toàn phần và công thức Bayes.	- Nắm được công thức tính xác suất toàn phần. -Mô tả trực quan công thức xác suất toàn phần bằng sơ đồ hình cây. -Vận dụng công thức xác suất toàn phần để giải quyết bài toán xác suất có nội dung thực tiễn.	(T1,2/4)
	32	CD3- Bài 7: Đầu tư tài chính. Lập kế hoạch tài chính cá nhân	–Khái niệm, vai trò và các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân. –Khái niệm và công thức liên quan đến niên kim: công thức tính số tiền của niên kim và công thức tính giá trị hiện tại của niên kim. – Thiết lập kế hoạch tài chính cá nhân cho các nhu cầu dài hạn như giáo dục hoặc sống tự lập.	T2/3
33	97,98	Bài 19: Công thức xác suất toàn phần và công thức Bayes.	-Công thức Bayes và ý nghĩa của công thức Bayes. -Biết vận dụng công thức Bayes vào các tình huống có nội dung thực tiễn.	(T3,4/4)
	99	Bài tập cuối chương 6.	- Ôn tập lại các kiến thức chương VI: Xác suất có điều kiện và công thức tính xác suất có điều kiện, công thức nhân xác suất, công thức xác suất toàn phần và công thức Bayes. - Vận dụng các công thức xác suất đã học để giải	(T1/1)

			quyết bài toán xác suất liên quan đến thực tiễn.	
	33	CD3- Bài 7: Đầu tư tài chính. Lập kế hoạch tài chính cá nhân	– Áp dụng công thức niên kim để tính số kì gửi cần thiết của một hình thức tiết kiệm tích lũy và kĩ năng áp dụng công thức truy hồi niên kim để đạt tổng số tiền tích lũy mong muốn. – Vận dụng được kiến thức toán học trong việc giải quyết một số vấn đề về đầu tư.	T3/3
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM (2 tiết)				
34	100	Tính nguyên hàm và tích phân với phần mềm GeoGebra. Tính gần đúng tích phân bằng phương pháp hình thang.	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để tính nguyên hàm, tích phân trong trường hợp hàm dưới dấu tích phân cho dưới dạng bảng (tại một số mốc) hoặc cho bởi một đồ thị (mà ta không biết phương trình của nó) hoặc không có nguyên hàm dưới dạng hàm số sơ cấp. - Sử dụng phương pháp hình thang để tính gần đúng tích phân.	(T1/1)
	101	Vẽ đồ họa 3D với phần mềm GeoGebra.	-Sử dụng các công cụ có sẵn trên phần mềm GeoGebra để vẽ một số mô hình 3D bất khả: vẽ tam giác Penrose; Tạo lập mặt Mobius	(T1/1)
	102	Ôn tập cuối năm	- Ôn tập các kiến thức đã học trong cả năm học. - Vận dụng được các kiến thức đã học trong năm học để giải quyết một số vấn đề thực tiễn.	(T1/2)
	34	Bài tập cuối chuyên đề 3	– Ôn tập các vấn đề về tiền tệ, lãi suất của các tổ chức tín dụng, thẻ tín dụng và cách thiết lập được kế hoạch tài chính cá nhân cho các nhu cầu dài hạn như giáo dục hoặc sống tự lập. – Ôn tập sử dụng công thức lãi suất, niên kim... để giải quyết một số vấn đề về đầu tư.	T1/2
35	103	Ôn tập cuối năm	-Luyện tập các dạng bài tập liên quan đến các kiến thức hình học và thống kê, xác suất trong năm học.	(T2/2)
	35	Bài tập cuối chuyên đề 3	– Ôn tập các vấn đề về tiền tệ, lãi suất của các tổ chức tín dụng, thẻ tín dụng và cách thiết lập được kế hoạch tài chính cá nhân cho các nhu cầu dài hạn như giáo	T2/2

			đục hoặc sống tự lập. – Ôn tập sử dụng công thức lãi suất, niên kim... để giải quyết một số vấn đề về đầu tư.	
	104,105	Kiểm tra cuối học kỳ 2	Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán và sử dụng ngôn ngữ. Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.	(T1,2/2)

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

STT	Bài kiểm tra, đánh giá (1)	Thời gian (2)	Thời điểm (3)	Yêu cầu cần đạt (4)
1	Giữa Học kỳ 1	90'	Tuần 9	Kiến thức: Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, t học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.
2	Cuối Học kỳ 1	90'	Tuần 17	Kiến thức: Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, t học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.
3	Giữa Học kỳ 2	90'	Tuần 27	Kiến thức: Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, t học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.
4	Cuối Học kỳ 2	90'	Tuần 35	Kiến thức: Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, t học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.

III. Các nội dung khác (nếu có):

1. Bồi dưỡng học sinh giỏi:

a) Mục đích:

- Giúp các em học sinh có điều kiện học tập, phát triển tư duy, sáng tạo, có thái độ học tập đúng đắn, tự nghiên cứu, tìm tòi, tham khảo tài

liệu.

- Giúp các em có phương pháp học tập tích cực trong các bộ môn, kích thích sự phát triển thông minh, ham hiểu biết, không ỷ lại.
- Giúp cho các em có năng khiếu bộ môn có cơ hội tiếp cận những vấn đề nâng cao và sâu hơn, qua đó tạo cho các em niềm đam mê và yêu thích môn học.

- Giúp các em có cơ hội rèn luyện, phấn đấu trở thành học sinh giỏi xuất sắc phát triển toàn diện.

b) Thời gian thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm.
- Triển khai kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi trong buổi họp Hội đồng sư phạm cho mọi thành viên cùng biết và thực hiện.
- Theo dõi kết quả học tập của các em từ đó có nhiều biện pháp thích hợp để giúp giáo viên và học sinh dạy tốt và học tốt.

c) Kế hoạch học tập: Theo kế hoạch của nhà trường

d) Biện pháp thực hiện:

- Phân công giáo viên có năng lực bồi dưỡng HSG, có thể phân chia nhiều nội dung bồi dưỡng cho nhiều giáo viên khác nhau.
- Lấy danh sách HSG và đôn đốc các em để học tập tốt hơn.

2. Giúp đỡ học sinh yếu

a) Mục đích:

- Giúp học sinh yếu – kém được ôn tập củng cố những kiến thức cơ bản để có cơ sở tiếp thu bài mới được tốt hơn, nâng cao kết quả học tập.

- Nhằm từng bước khắc phục tỉ lệ HS yếu, kém giảm so với năm học trước, nâng dần chất lượng dạy và học, hoàn thành giáo dục toàn diện của trường đạt chuẩn quốc gia.

b) Thời gian thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh yếu ngay từ đầu năm.
- Triển khai kế hoạch phụ đạo cho học sinh yếu, kém trong buổi họp Hội đồng sư phạm cho mọi thành viên cùng biết và thực hiện.
- Theo dõi kết quả học tập của các em từ đó có nhiều biện pháp thích hợp để giúp giáo viên và học sinh dạy tốt và học tốt.
- Tổ chức phụ đạo những kiến thức cơ bản trong nội dung chương trình sách giáo khoa, đảm bảo chuẩn kiến thức – kỹ năng theo chủ đề bám sát để giúp học sinh nắm được kiến thức chắc chắn.

c) Kế hoạch học tập:

- Lập danh sách học sinh học yếu
- Giáo viên dạy lớp mình có kế hoạch bồi dưỡng riêng cho các em học tập yếu và báo cáo với nhà trường hoặc thực hiện theo kế hoạch của nhà trường.

d) Biện pháp thực hiện:

- Truyền đạt kiến thức cho học sinh đồng thời dạy đủ các đối tượng học sinh yếu - kém. Kiểm tra hướng dẫn thường xuyên.
- GVCN tìm hiểu hoàn cảnh của học sinh yếu-kém; liên hệ thường xuyên với phụ huynh để tìm biện pháp giải quyết. Nhiệt tình thể hiện tinh thần trách nhiệm cao hơn đối với học sinh.
- Hướng dẫn các em cách học và chuẩn bị bài ở nhà cho ngày hôm sau.
- Tổ chức các hình thức dạy học trên lớp phong phú hơn để thu hút học sinh chú ý vào bài học.
- Đôn đốc học sinh đi đều và đi đủ, cho 1 học sinh khá, giỏi kèm cặp học sinh yếu kém.
- Khi dạy sử dụng triệt để đồ dùng dạy học, liên hệ thực tế sinh động; giúp học sinh dễ nhớ bài.

- Qua khảo sát chất lượng đầu năm giáo viên bộ môn chọn ra những học sinh yếu kém và lên kế hoạch phụ đạo kịp thời
- Dạy theo thời khóa biểu quy định mỗi tuần 2 tiết ngoài thời khóa biểu chính khóa.
- Sau 4 tuần giáo viên cho học sinh làm bài kiểm tra để xóa kém và chọn những học sinh khác tiếp tục nâng kém đợt II (nếu có).
- Mỗi tiết dạy giáo viên ôn lại kiến thức mà học sinh bị hỏng sau đó cho bài tập áp dụng rèn kỹ năng.

TM BAN GIÁM HIỆU
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRẦN MINH GIANG

Phú Thuận, ngày 4 tháng 9 năm 2025
TỔ TRƯỞNG

LÊ VĂN LÊN